

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



NGOẠI LỰC BẤT ỔN, NỘI LỰC THỬ THÁCH

Ngày: 23/03/2026 – 27/03/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

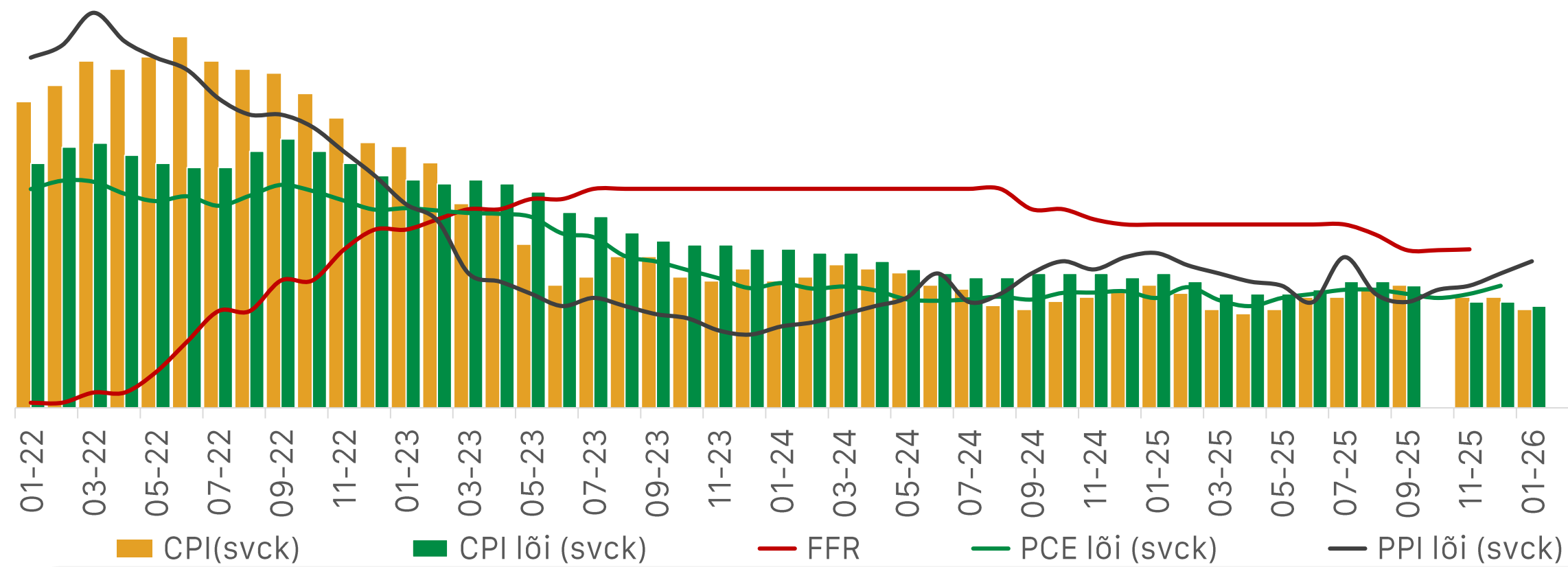


Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng

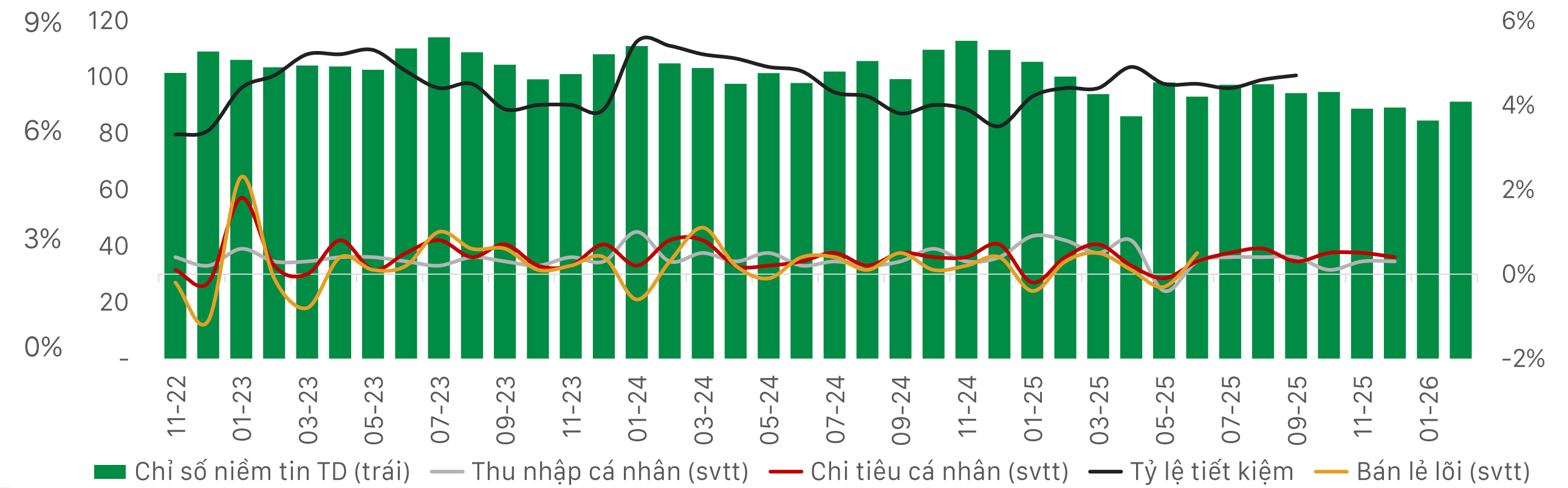


Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái “tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài”. Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

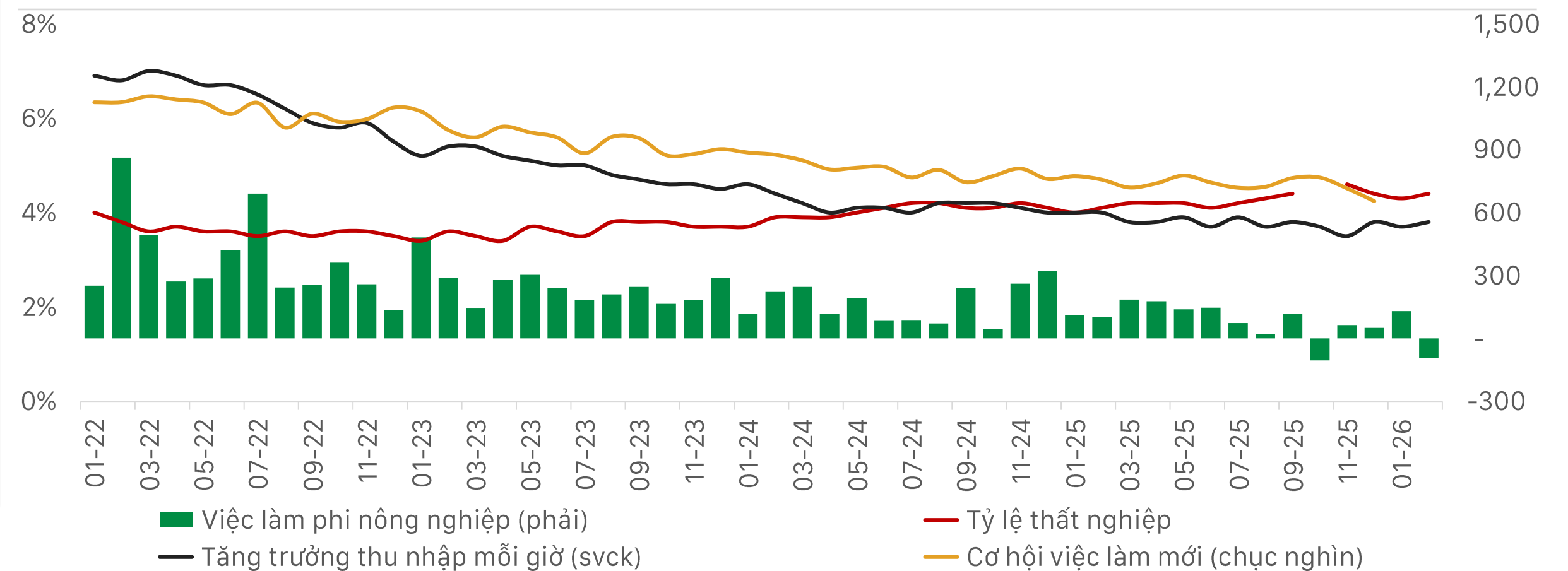


Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ



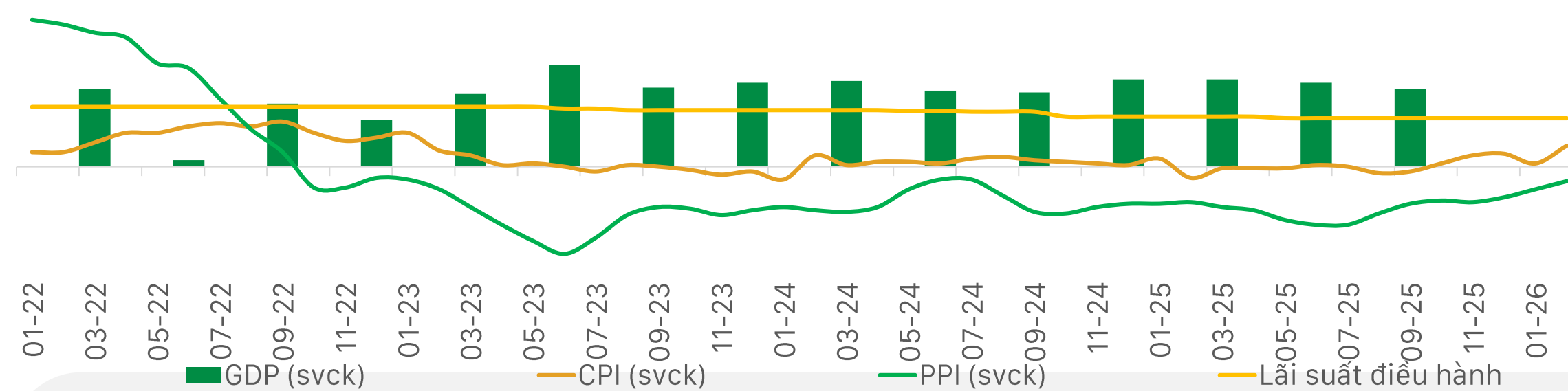
1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ. Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn “solid”, nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.



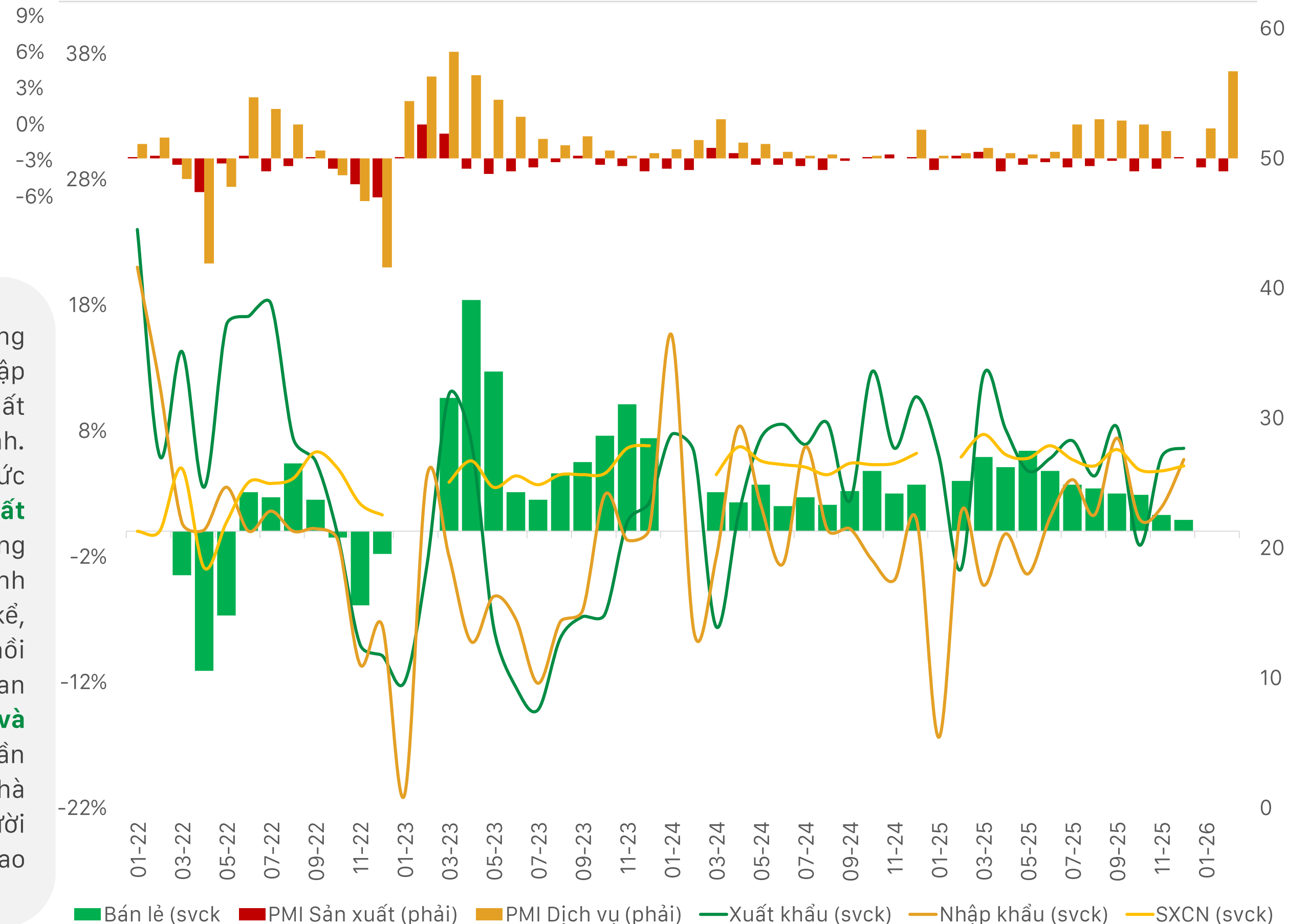
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu”. Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5 %) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5 % trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích



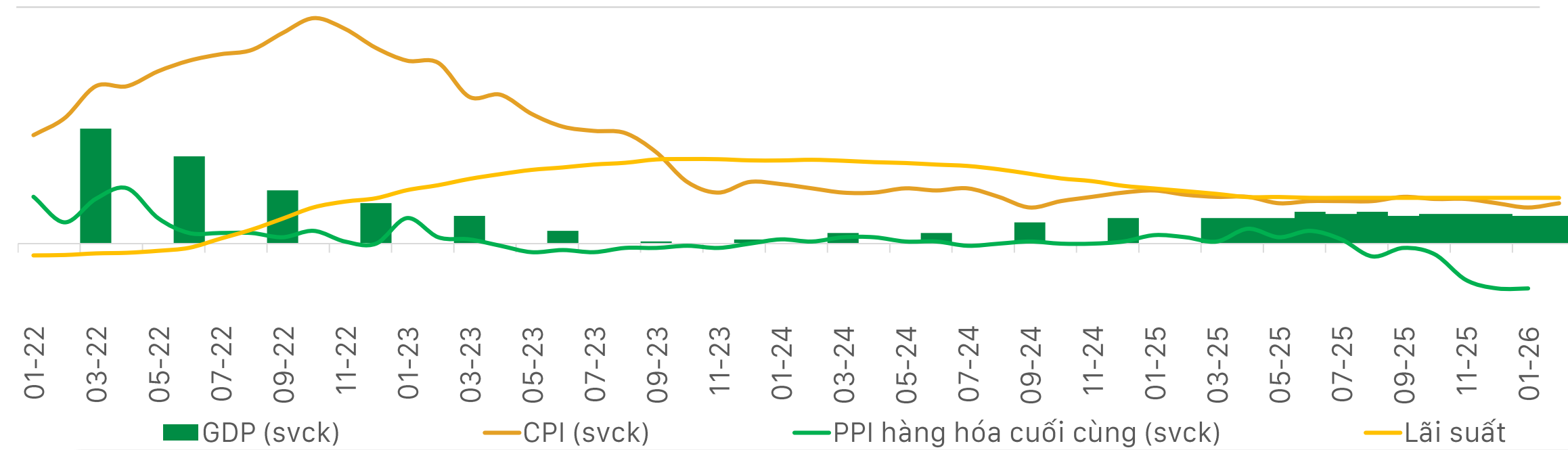
1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích. Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5 %, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ “tăng trưởng nhanh” sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5 % trong năm 2026, thấp hơn mức 5 % năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8 % trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu. Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính



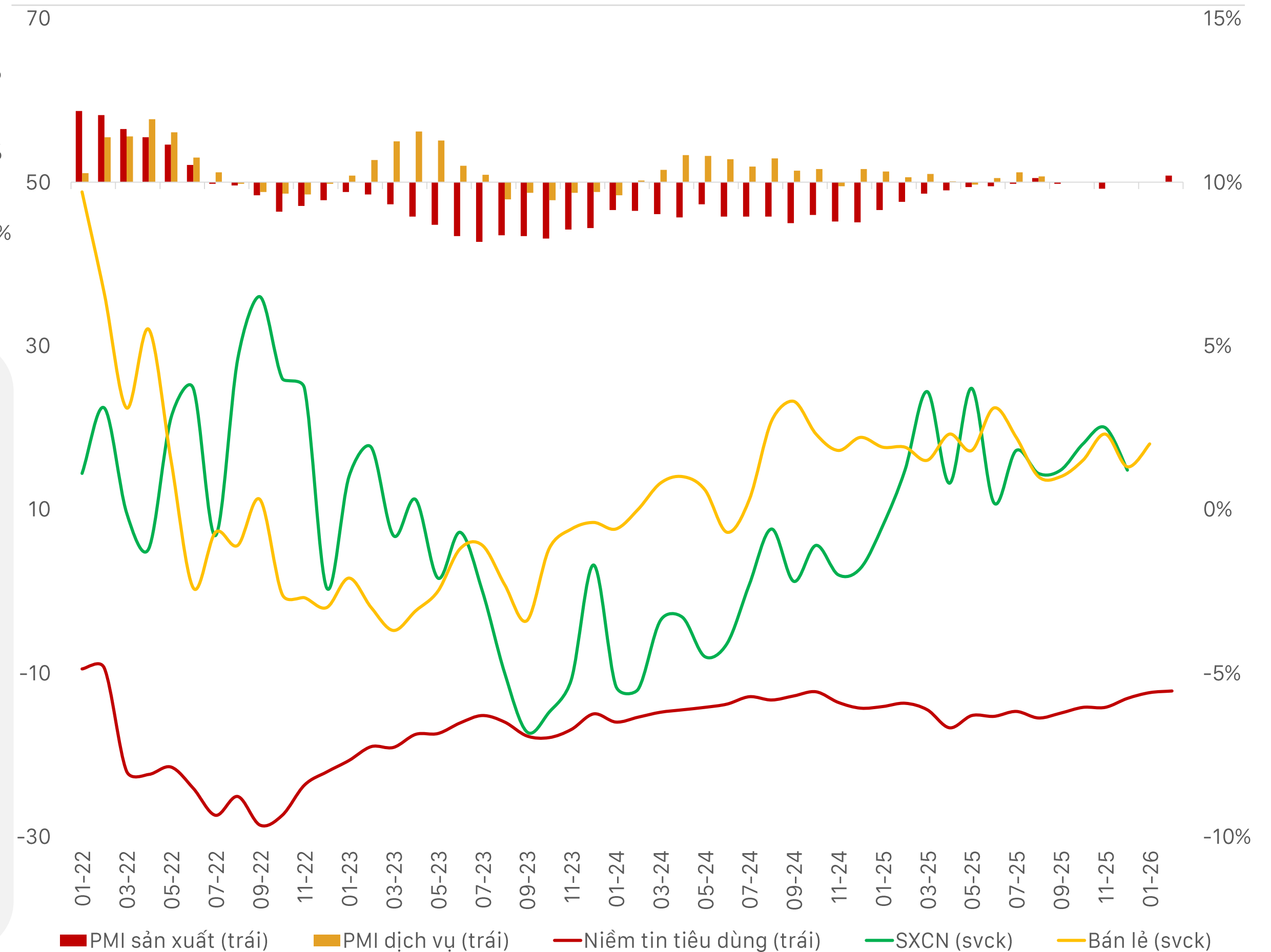
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định



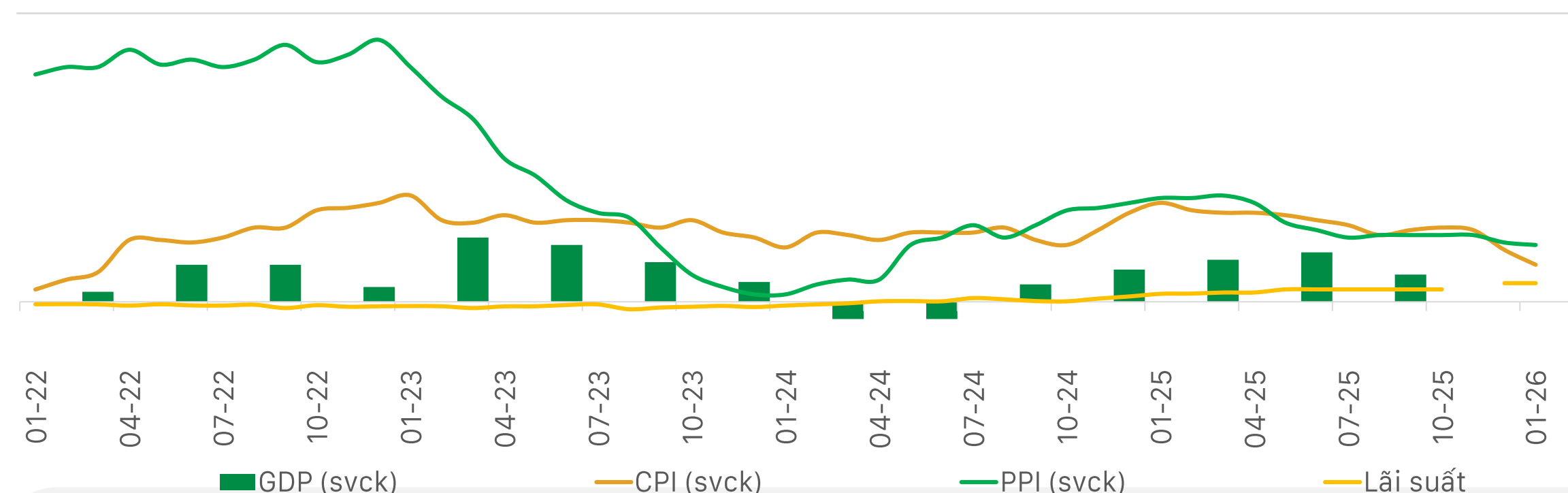
1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định. Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5 % trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2 % hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.



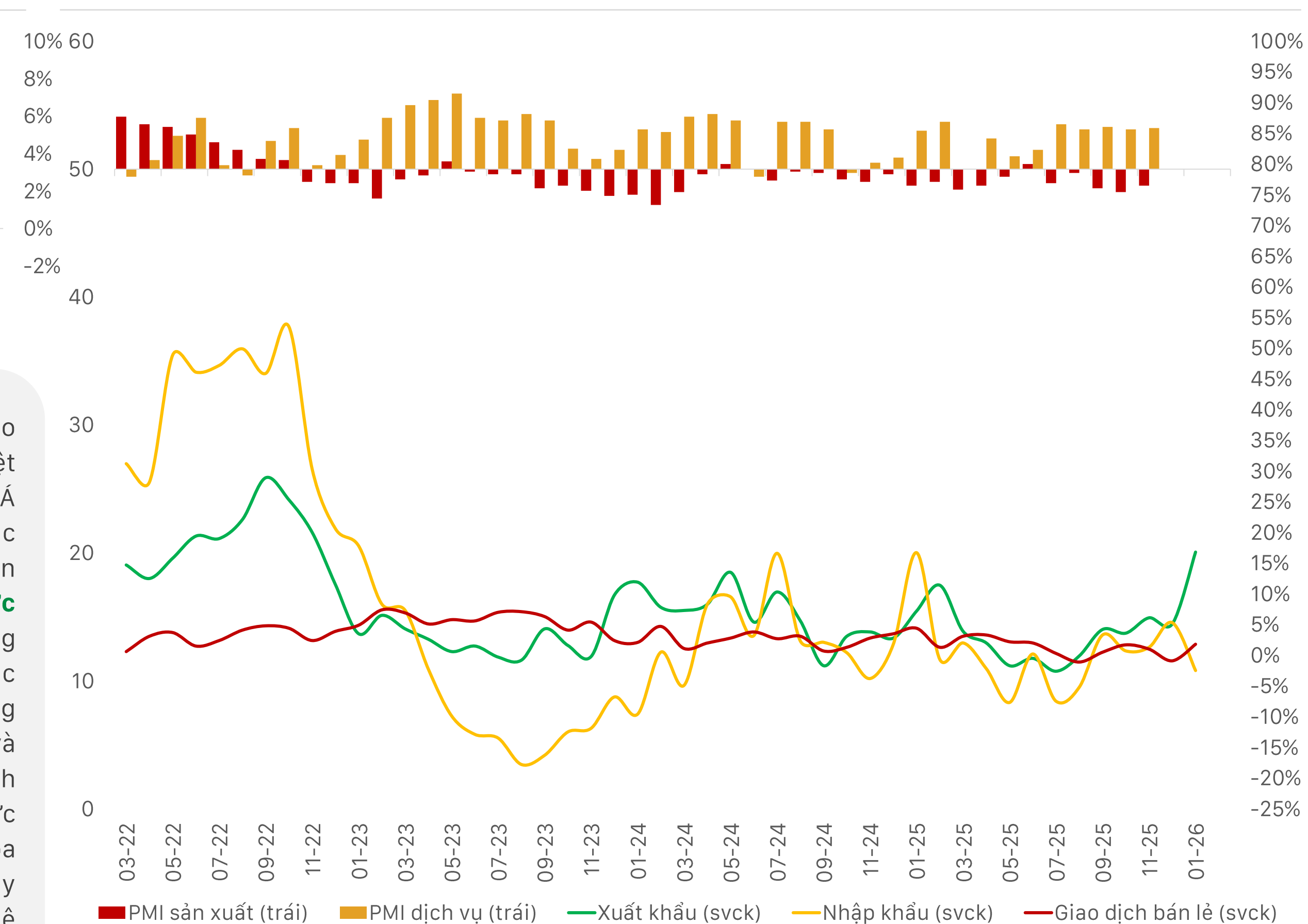
Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp. Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5 % mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2 %, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cầu nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

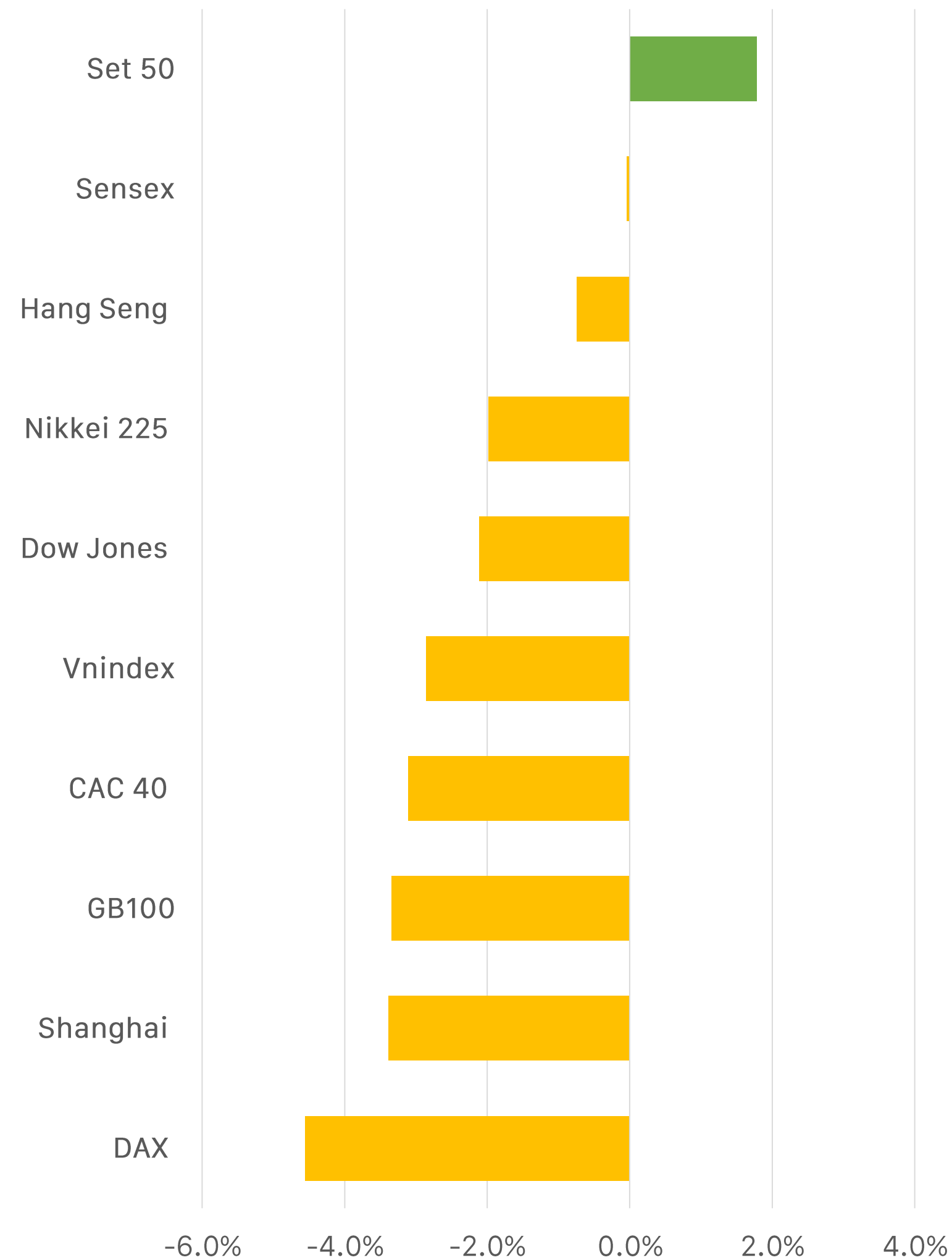
Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,488.72	-10.6%	-14.1%	3.9%	48.5%
WTI/USD	98.23	-0.5%	48.1%	71.1%	43.9%
Bitcoin	70,778	-0.7%	4.6%	-19.1%	-15.6%
Dow Jones	45,577	-2.1%	-6.6%	-5.2%	8.6%
S&P 500	6,506	-1.9%	-4.8%	-5.0%	14.8%
Nasdaq	23,898	-2.0%	-3.3%	-5.4%	21.0%
GP100	9,918	-3.3%	-7.2%	-0.1%	14.7%
DAX	22,380	-4.6%	-10.5%	-8.6%	-2.2%
CAC 40	7,666	-3.1%	-9.8%	-5.9%	-4.7%
Euro Stoxx 50	5,493	-3.9%	-10.2%	-5.1%	1.3%
Nikkei 225	53,373	-2.0%	-6.1%	6.0%	41.7%
Shanghai	3,957	-3.4%	-3.9%	-0.3%	17.6%
Hang Seng	25,277	-0.7%	-6.7%	-1.4%	6.7%
Vnindex	1,648	-2.9%	-11.4%	-7.7%	24.7%
VND/USD	26,312	0.1%	0.7%	0.1%	2.8%
DXY	99.65	-0.7%	2.0%	1.4%	-4.3%

- Trong tuần giao dịch 16–20/3, thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận nhịp điều chỉnh khá rõ rệt sau giai đoạn tăng trước đó. Cụ thể, chỉ số Dow Jones giảm khoảng 2,1% trong tuần, trong khi S&P 500 và Nasdaq Composite lần lượt giảm 1,9% và 2,0%. Áp lực điều chỉnh chủ yếu đến từ hoạt động chốt lời khi định giá cổ phiếu đã lên mức cao, cùng với tâm lý thận trọng trước các yếu tố vĩ mô như lãi suất duy trì ở mức cao lâu hơn dự kiến và rủi ro địa chính trị gia tăng. Nhóm công nghệ – vốn là động lực tăng trưởng chính – cũng ghi nhận sự suy yếu ngắn hạn, kéo theo toàn thị trường đi xuống.
- Trên phạm vi toàn cầu, các thị trường chứng khoán lớn đồng loạt điều chỉnh mạnh hơn so với Mỹ. Tại châu Âu, các chỉ số như DAX giảm tới 4,6%, CAC 40 giảm 3,1% và Euro Stoxx 50 giảm 3,9% trong tuần. Điều này cho thấy áp lực bán lan rộng khi nhà đầu tư lo ngại về triển vọng tăng trưởng và tác động từ chi phí năng lượng gia tăng. Tại Anh, FTSE 100 cũng giảm 3,3%, phản ánh xu hướng chung của khu vực.
- Ở châu Á, diễn biến cũng kém tích cực. Nikkei 225 giảm 2,0% sau giai đoạn tăng mạnh trước đó, trong khi thị trường Trung Quốc chịu áp lực lớn hơn với Shanghai Composite giảm 3,4%. Hang Seng giảm nhẹ hơn, khoảng 0,7%, cho thấy sự phân hóa trong khu vực. Nhìn chung, xu hướng điều chỉnh trên diện rộng phản ánh sự suy yếu của khẩu vị rủi ro toàn cầu, khi dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang các tài sản phòng thủ.

Index Global (% 1 tuần)



- So với bối cảnh quốc tế, thị trường Việt Nam cũng không tránh khỏi áp lực điều chỉnh. Chỉ số VN-Index giảm khoảng 2,9% trong tuần, mức giảm tương đương với các thị trường lớn nhưng thấp hơn một số thị trường châu Âu. Điểm đáng chú ý là thanh khoản tiếp tục ở mức thấp, cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng. Áp lực bán ròng từ khối ngoại vẫn hiện hữu, tuy nhiên lực cầu trong nước đóng vai trò nâng đỡ, giúp thị trường không giảm sâu. So với các thị trường phát triển, Việt Nam vẫn có lợi thế về tăng trưởng dài hạn và định giá, nhưng trong ngắn hạn chịu ảnh hưởng lớn từ tâm lý chung và sự thiếu vắng thông tin hỗ trợ.
- Trên thị trường tài sản thay thế, Bitcoin gần như đi ngang trong tuần với mức giảm nhẹ khoảng 0,7%, dao động quanh vùng 70.000 USD. Diễn biến này cho thấy trạng thái cân bằng giữa lực bán chốt lời và lực mua hỗ trợ. Dù giảm nhẹ trong tuần, Bitcoin vẫn duy trì mức tăng 4,6% trong tháng, nhưng tính từ đầu năm lại giảm mạnh khoảng 19%, phản ánh mức biến động cao và sự nhạy cảm với dòng tiền đầu cơ. Trong bối cảnh thị trường tài chính biến động, Bitcoin chưa thể hiện rõ vai trò là tài sản trú ẩn mà vẫn mang tính rủi ro cao.
- Ngược lại, Gold ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong tuần, lên tới 10,6%. Đây là diễn biến khá bất ngờ trong bối cảnh rủi ro địa chính trị gia tăng. Nguyên nhân có thể đến từ áp lực chốt lời sau giai đoạn tăng nóng trước đó và sự phục hồi tương đối của đồng USD. Tuy nhiên, nếu nhìn dài hơn, vàng vẫn tăng 3,9% từ đầu năm và tới 48,5% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy xu hướng tăng dài hạn vẫn chưa bị phá vỡ. Điều này phản ánh vai trò kép của vàng: vừa là tài sản trú ẩn, vừa chịu ảnh hưởng từ các yếu tố tiền tệ.
- Nhìn chung tuần giao dịch 16–20/3 cho thấy sự điều chỉnh đồng pha của các thị trường tài chính toàn cầu sau giai đoạn tăng trước đó. Thị trường Mỹ đóng vai trò dẫn dắt và bắt đầu giảm tương đối, trong khi châu Âu và một số thị trường châu Á chịu áp lực lớn hơn. Việt Nam duy trì sự ổn định tương đối nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ xu hướng chung. Trong bối cảnh hiện tại, dòng tiền có xu hướng thận trọng, ưu tiên quản trị rủi ro và chờ đợi các tín hiệu rõ ràng hơn từ chính sách tiền tệ cũng như diễn biến kinh tế toàn cầu.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



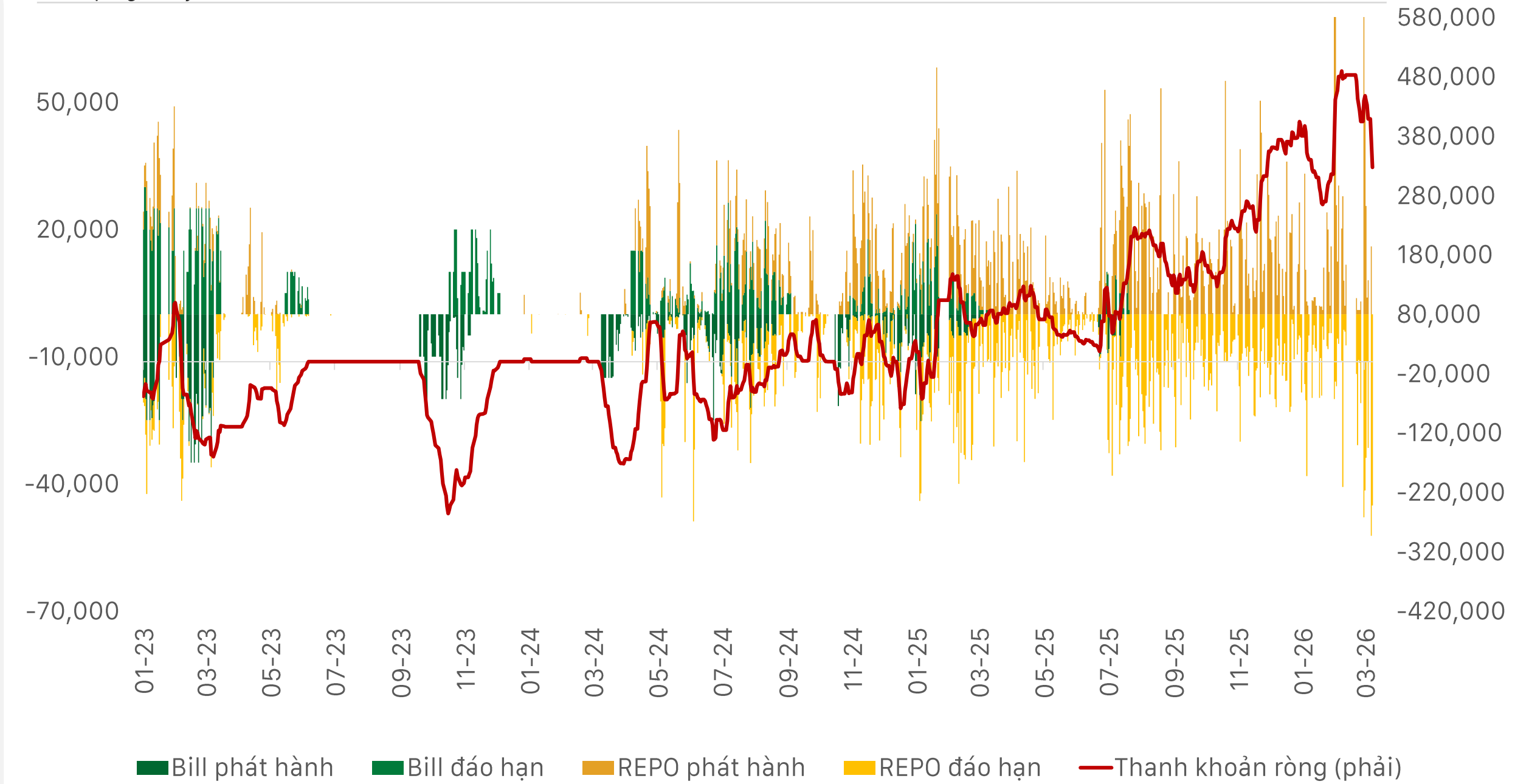
NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

DXY hạ nhiệt từ đỉnh

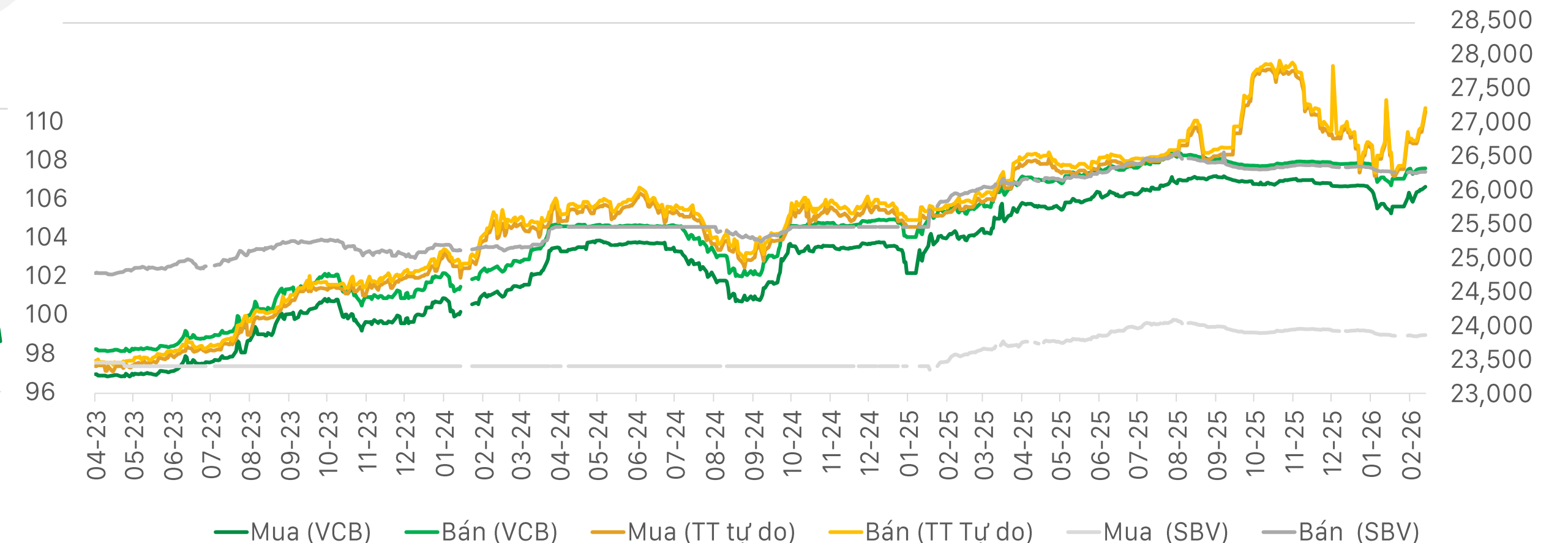


NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



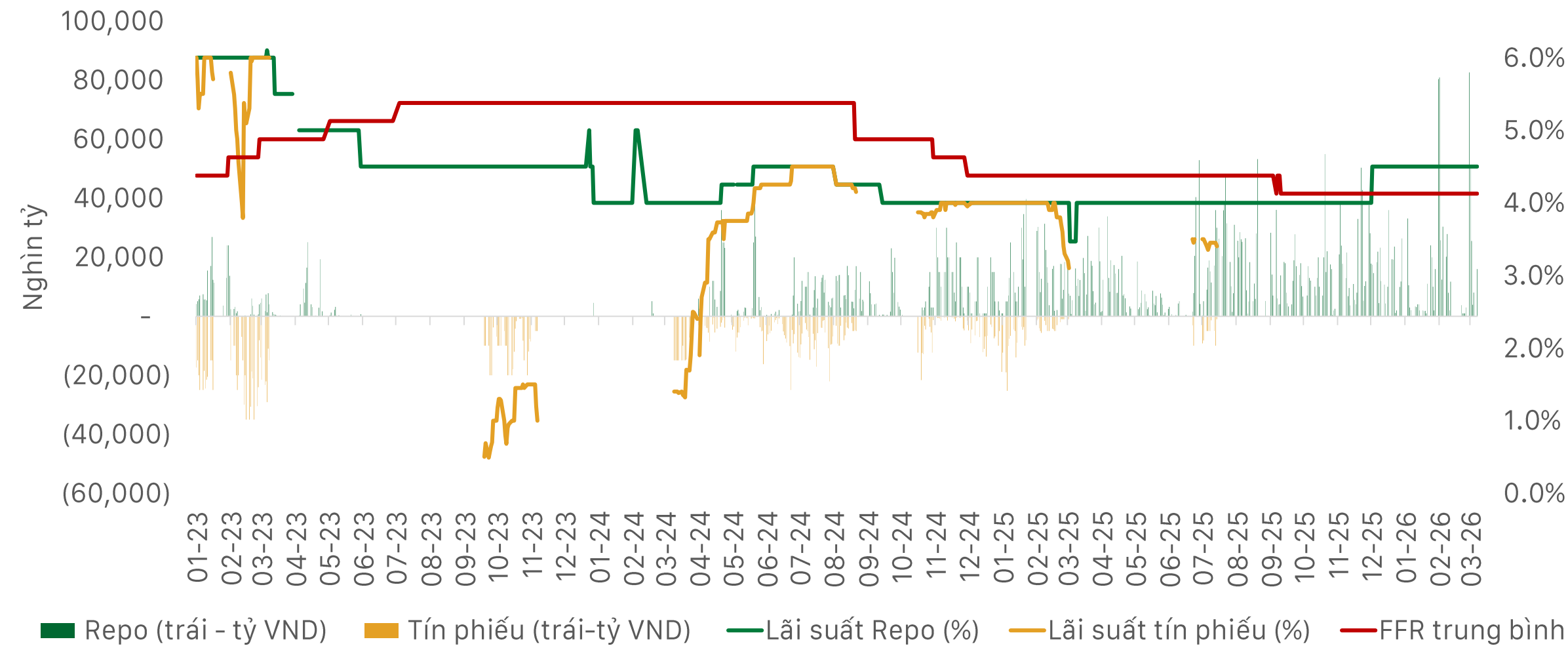
USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD



LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

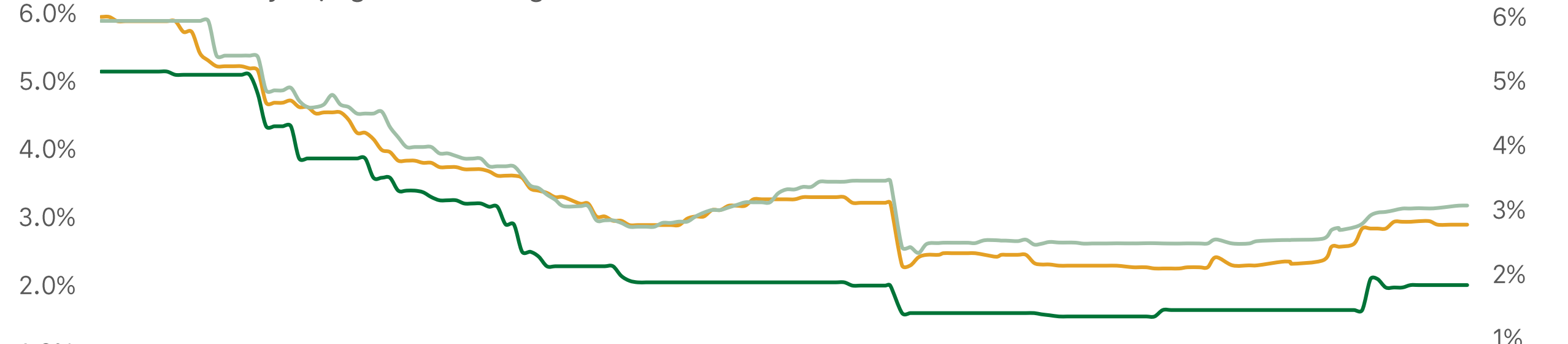


NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

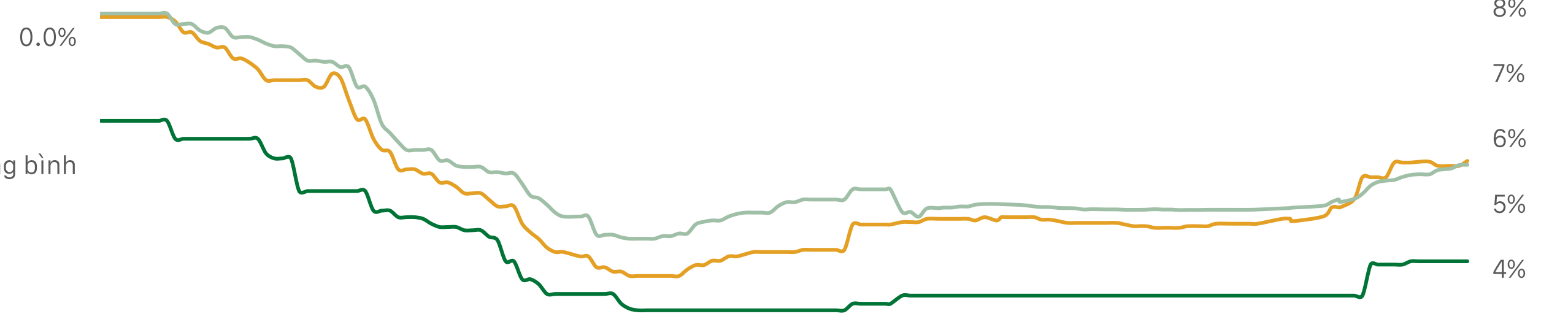


Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.

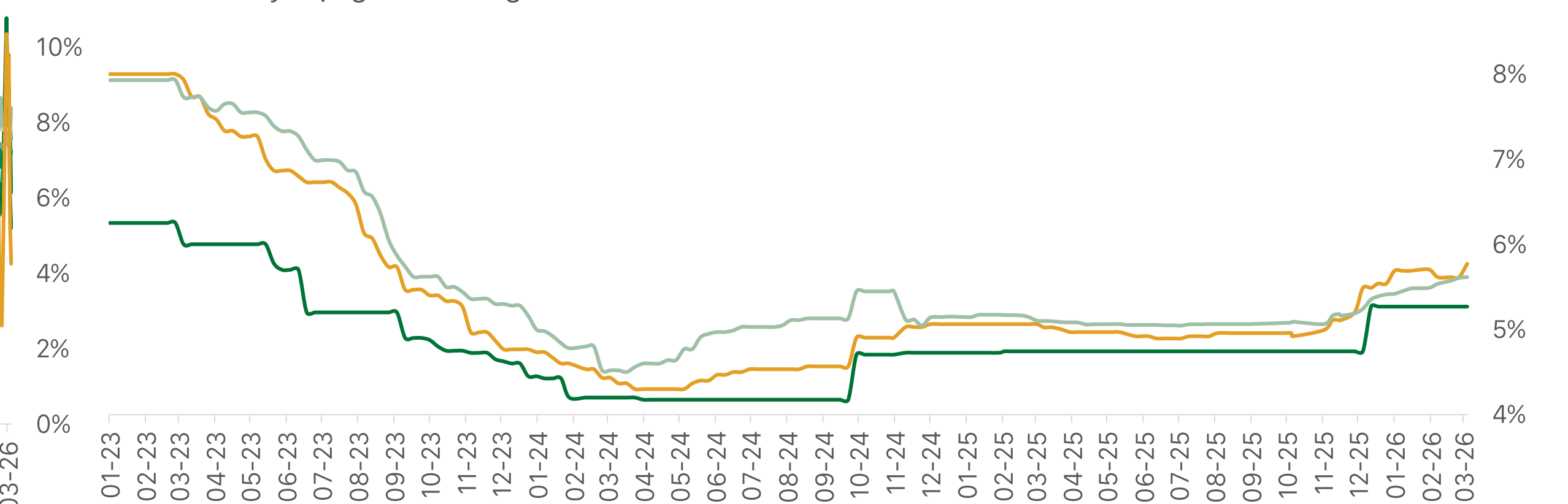
Lãi Suất Huy Động <3 - 6 tháng



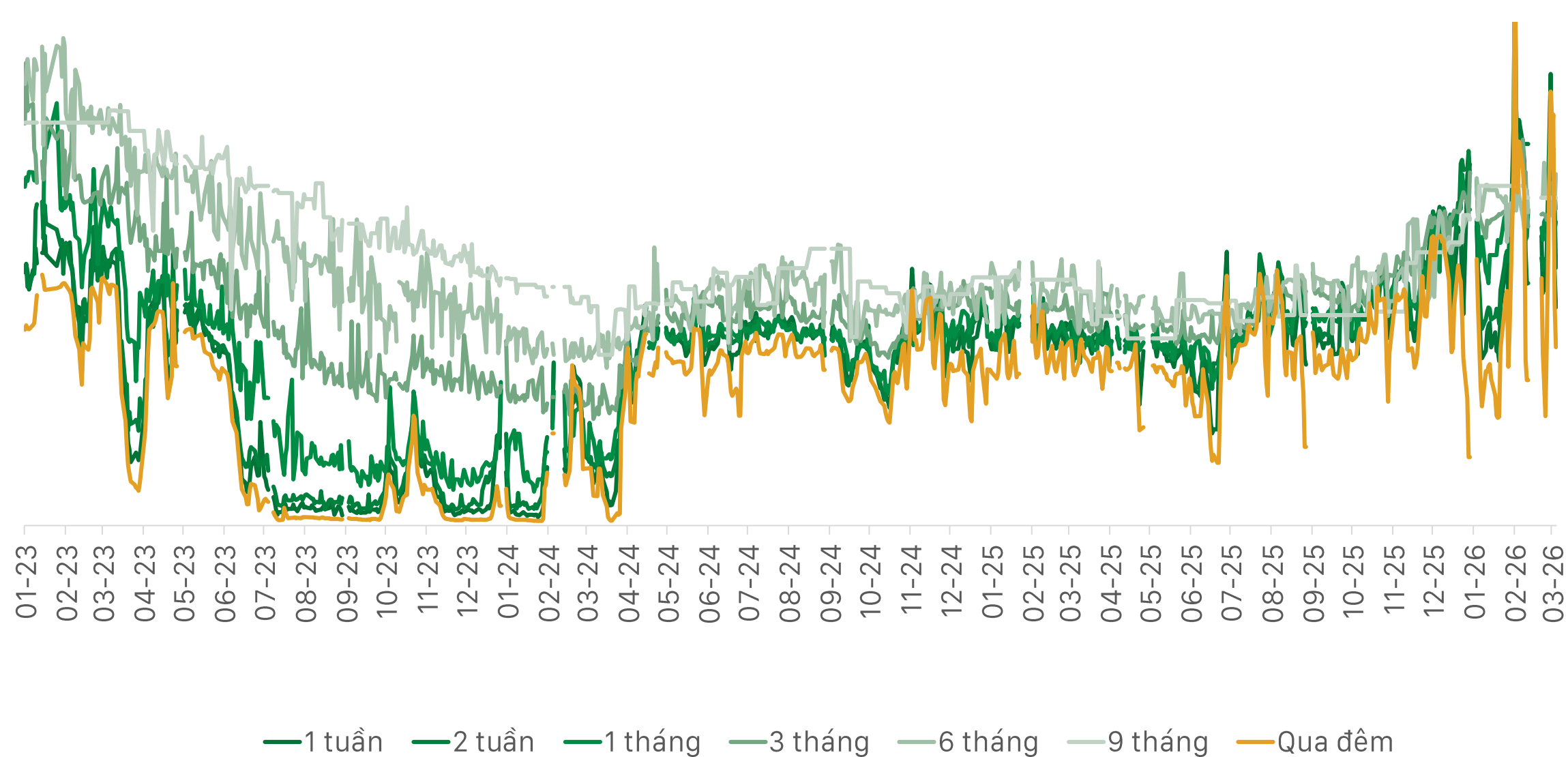
Lãi Suất Huy Động 6 - 9 tháng



Lãi Suất Huy Động > 12 tháng



Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát



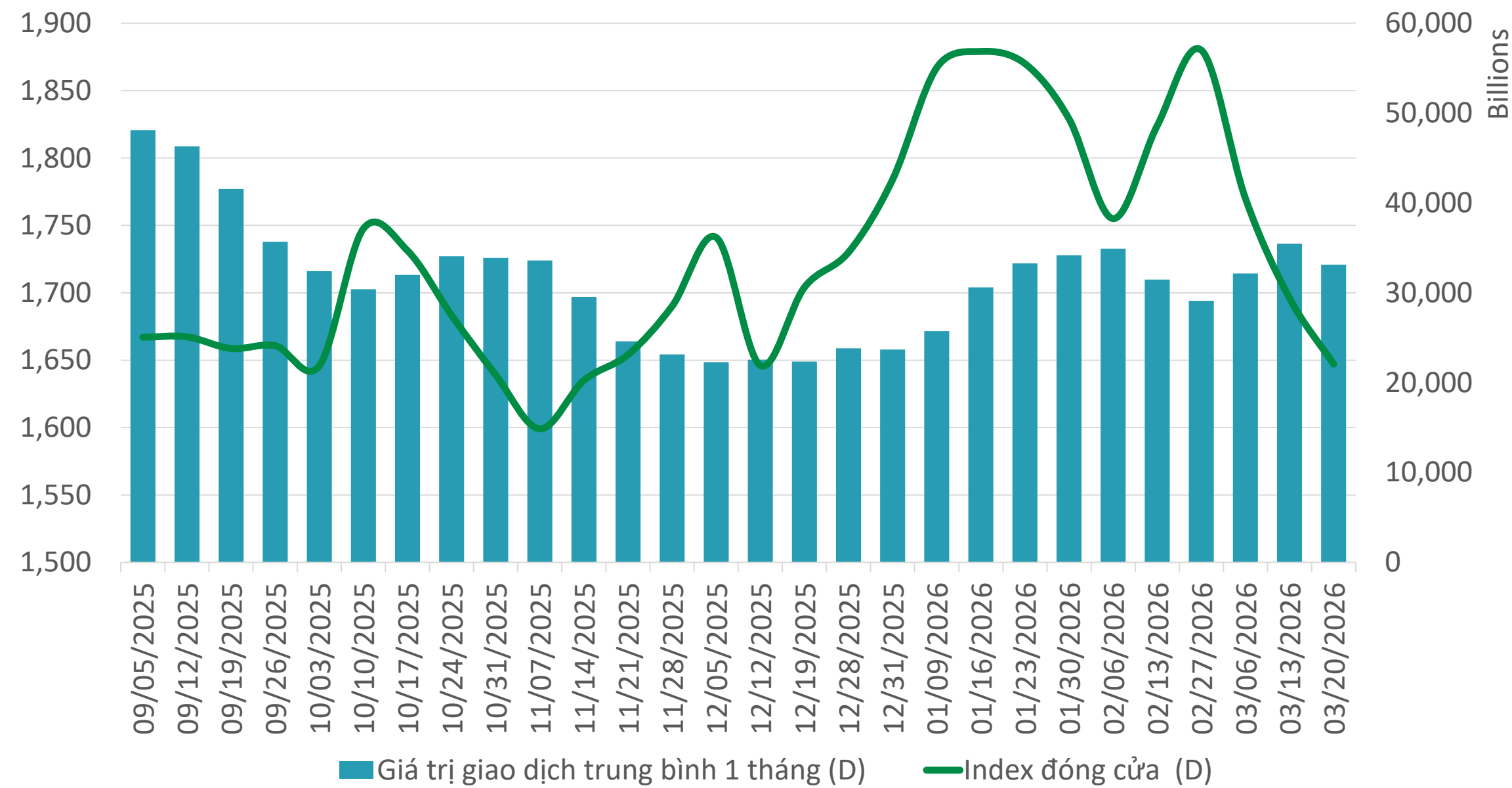
— Nhóm NHTMNN

— Nhóm NHTMCP lớn

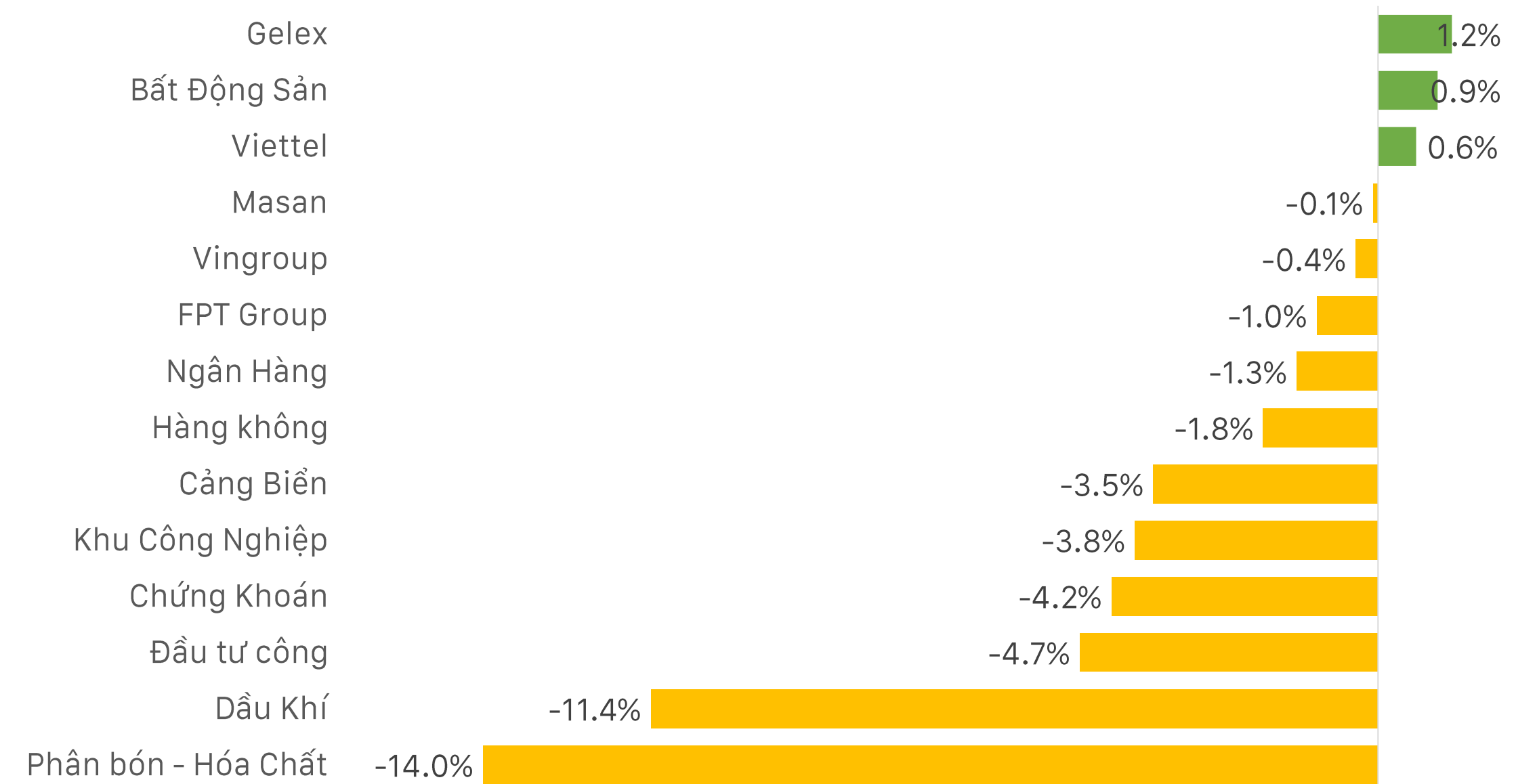
— Nhóm NHTMCP khác

— 1 tuần — 2 tuần — 1 tháng — 3 tháng — 6 tháng — 9 tháng — Qua đêm

VN-Index và thanh khoản



Biến động các nhóm CP theo tuần

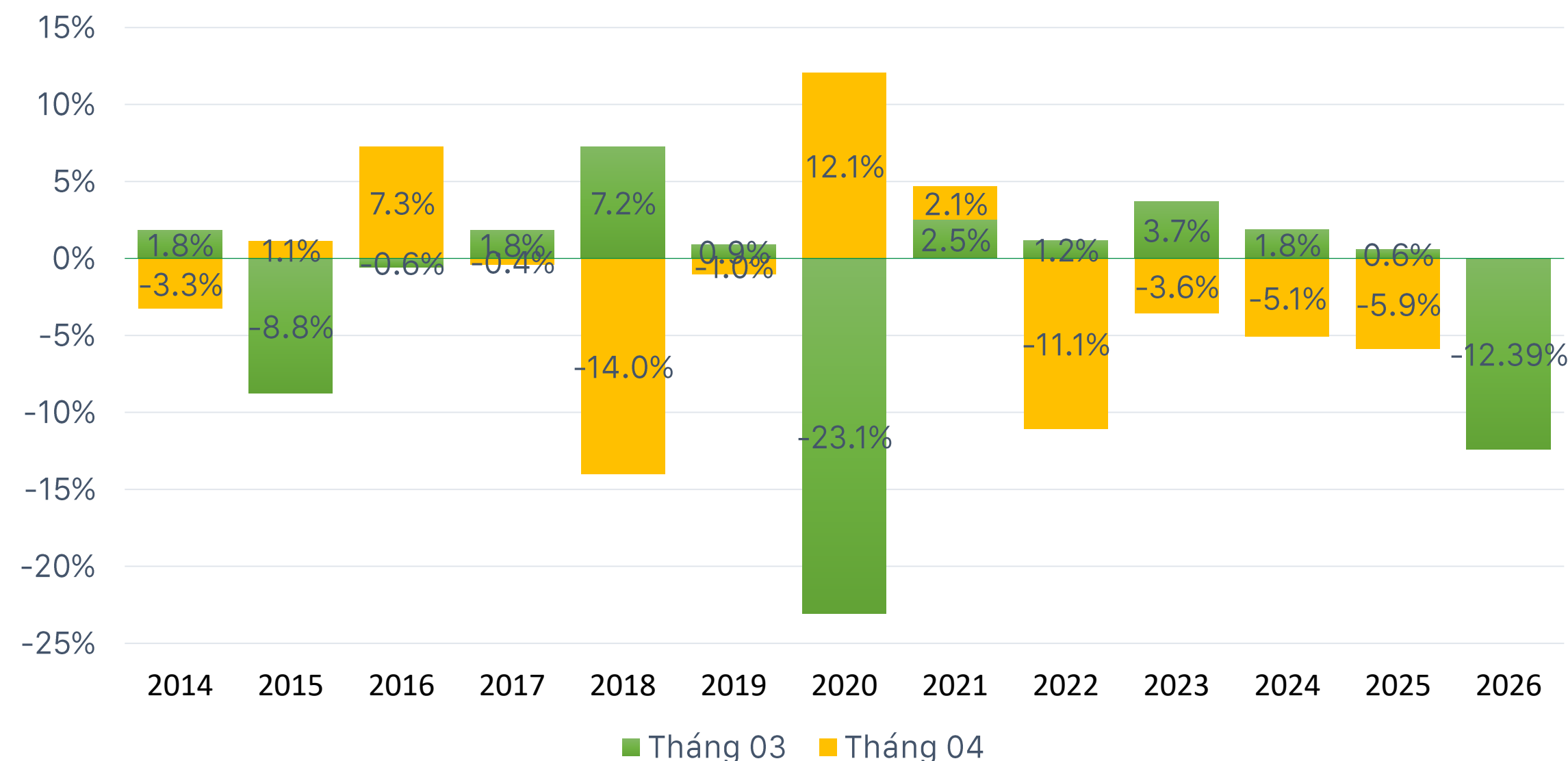


- Trong tuần giao dịch 16–20/3, thị trường ghi nhận diễn biến tiêu cực khi áp lực bán gia tăng trên diện rộng. Chỉ số VN-Index giảm khoảng 2,9%, đóng cửa quanh vùng 1.648 điểm, đánh mất các mốc hỗ trợ ngắn hạn quan trọng. Thanh khoản duy trì ở mức thấp, cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng và chưa sẵn sàng quay lại mạnh mẽ. Áp lực bán rông từ khối ngoại tiếp tục là yếu tố gây nhiễu, trong khi lực cầu nội dù có cải thiện nhưng chưa đủ để tạo sự cân bằng bền vững.
- Về diễn biến ngành, áp lực điều chỉnh tập trung mạnh ở nhóm cổ phiếu mang tính chu kỳ và nhạy cảm với dòng tiền. Nhóm phân bón – hóa chất giảm sâu nhất (khoảng -14%), tiếp đến là dầu khí (-11,4%) và đầu tư công (-4,7%), phản ánh sự suy yếu của kỳ vọng giá hàng hóa và dòng tiền đầu cơ. Các nhóm chứng khoán (-4,2%), khu công nghiệp (-3,8%) và cảng biển (-3,5%) cũng chịu áp lực bán mạnh. Trong khi đó, một số nhóm vốn hóa lớn như ngân hàng (-1,3%) và công nghệ như Viettel giảm nhẹ hơn, đóng vai trò giữ nhịp thị trường. Điểm sáng hiếm hoi đến từ một số cổ phiếu riêng lẻ hoặc nhóm hạ tầng như Gelex, ghi nhận mức tăng nhẹ nhờ thông tin hỗ trợ riêng.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 03,04 từ 2014

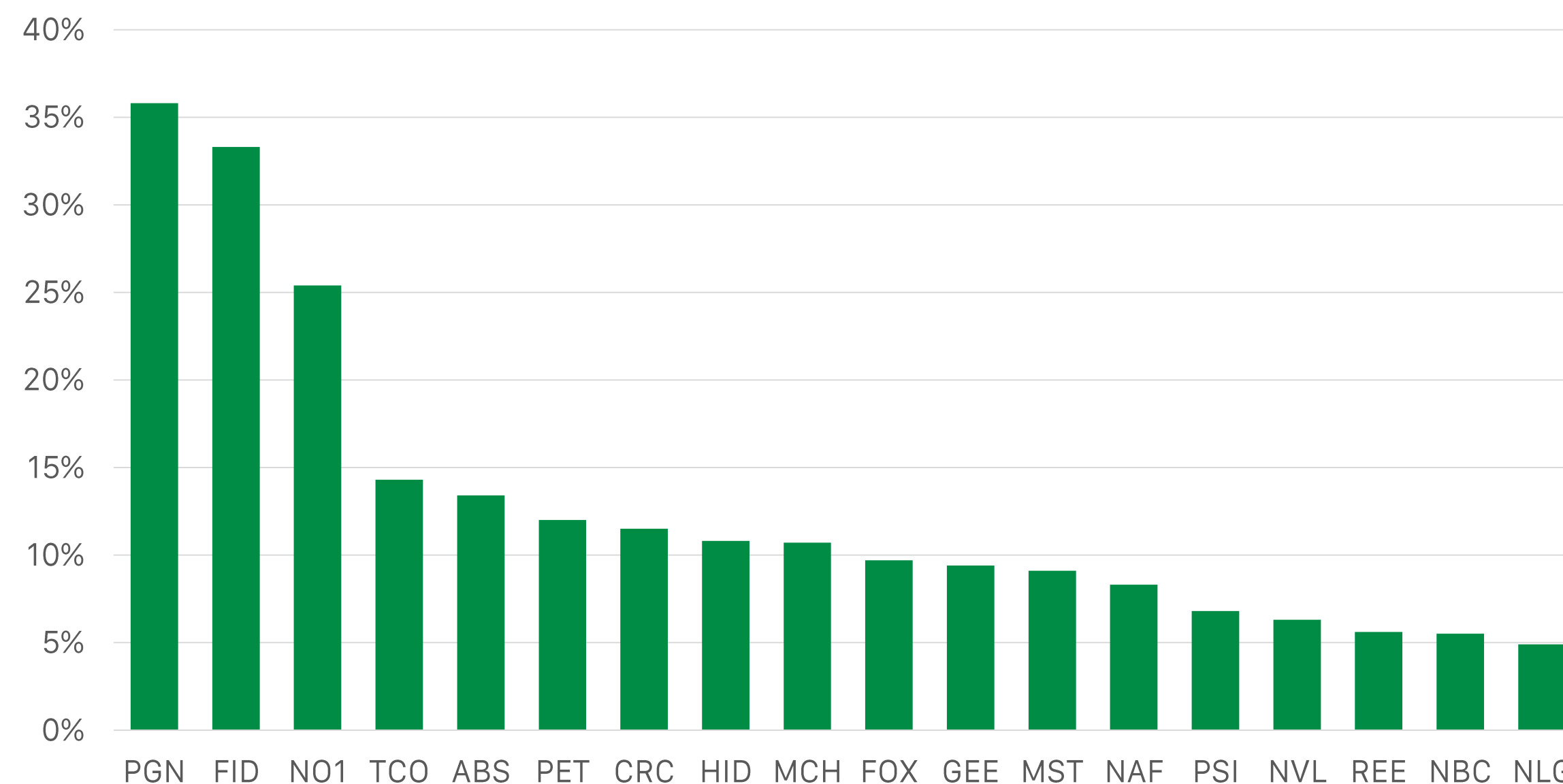


- Với tuần lễ biến động mạnh trong tuần vừa qua, chỉ số PE thị trường cũng biến động mạnh và rơi về dưới 13.3 khi hàng loạt cổ phiếu lớn giảm từ 5%-10% trong tuần. PE thị trường đã về mức quanh tháng 3-5 năm 2025 và có thể xem là mức định giá tương đối hấp dẫn về mặt trung hạn. Một số nhóm cổ phiếu lớn như nhóm ngân hàng hiện có PE dưới 10 trong đó có khá nhiều blue chip lớn.
- Xét theo yếu tố chu kỳ, tháng 3 thường là giai đoạn thị trường chứng khoán vận động chậm lại và đóng vai trò như điểm kết thúc của nhịp tăng trong quý I. Đây là thời điểm dòng tiền có xu hướng thận trọng hơn khi nhà đầu tư bắt đầu đánh giá lại kỳ vọng tăng trưởng cũng như các yếu tố vĩ mô cho các quý tiếp theo. Năm nay, diễn biến thị trường chịu tác động mạnh hơn đáng kể bởi các yếu tố địa chính trị quốc tế, khiến rủi ro lan rộng trên toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý nhà đầu tư. Tháng 3 tính đến thời điểm hiện tại đã giảm trung bình hơn 12% và gợi nhớ các năm 2015, 2020 là các năm thị trường rơi mạnh nhất. Thị trường nhiều khả năng còn áp lực điều chỉnh thêm khi các yếu tố vĩ mô còn bất định.

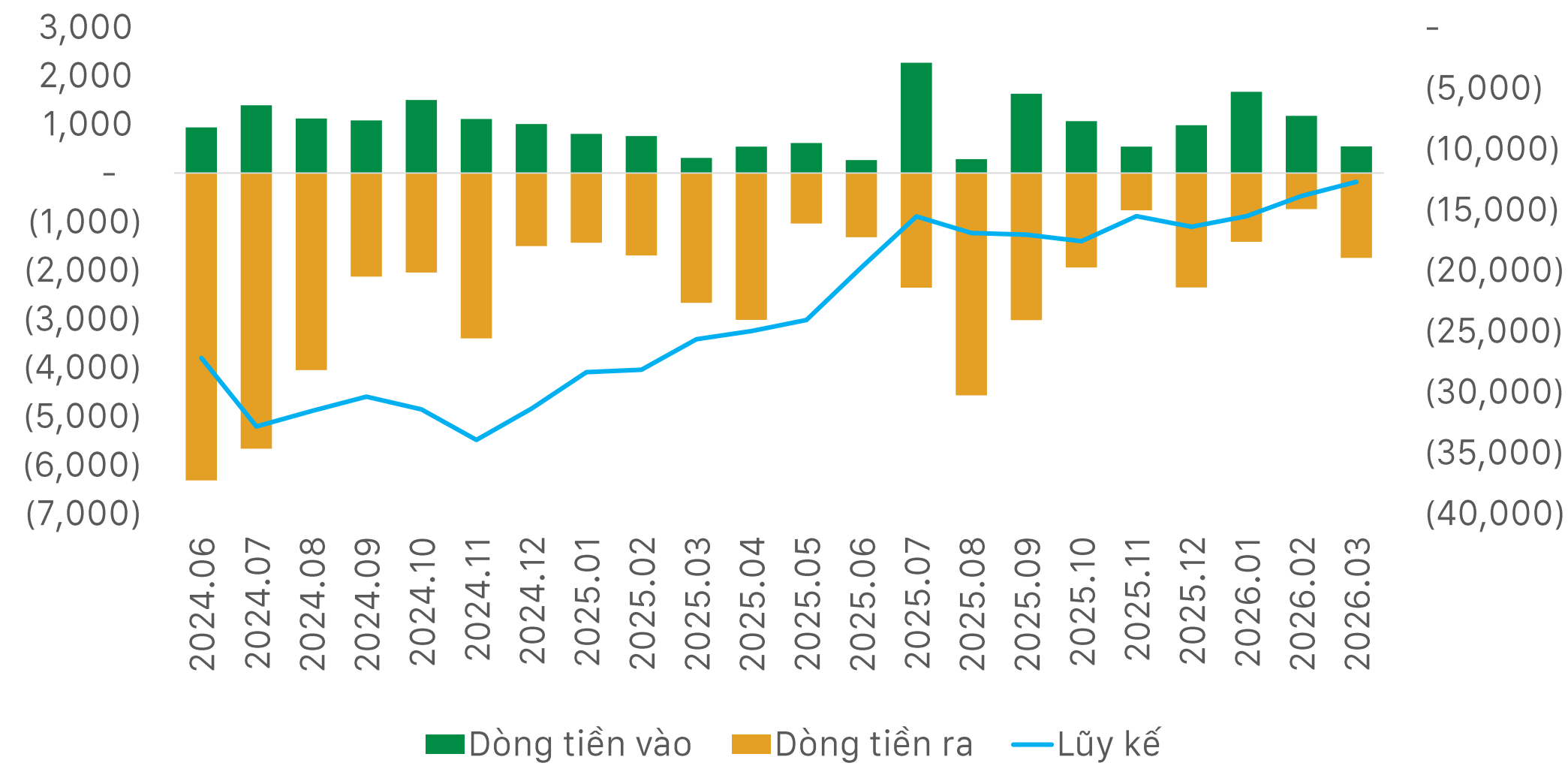
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,647.81	13.31	-2.9%	-9.7%
Ngân hàng	724.58	9.04	-1.4%	-9.3%
Dịch vụ tài chính	928.53	13.63	-0.8%	-6.5%
Bất động sản	984.20	17.81	-3.3%	-11.1%
Hóa chất	294.81	15.66	-10.2%	-6.4%
Tài nguyên Cơ bản	510.51	16.45	-3.4%	0.7%
Ô tô và phụ tùng	366.90	6.80	-2.8%	-1.2%
Bán lẻ	1,566.62	16.76	-1.8%	-12.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	179.61	10.56	-1.7%	-3.1%
Viễn thông	1,149.08	25.05	4.6%	-14.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7,256.82	13.68	-3.5%	-6.5%
Dầu khí	143.73	21.12	-15.7%	3.2%
Thực phẩm và đồ uống	692.27	16.98	-6.4%	-28.9%
Xây dựng và Vật liệu	357.96	9.28	-0.2%	-2.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	289.67	13.81	-3.4%	-14.0%
Y tế	1,086.30	17.03	-0.3%	-1.6%
Công nghệ Thông tin	639.69	13.59	-2.8%	-20.9%
Truyền thông	615.10	39.83	-0.5%	-5.9%
Bảo hiểm	444.25	15.12	2.6%	-2.7%
Du lịch và Giải trí	40.77	24.04	-2.0%	-11.0%

- Trong tuần 16–20/3 chỉ số Vnindex có tuần giảm mạnh thứ ba liên tiếp -3% và như vậy sau 2 tuần thị trường đã mất hơn -12%.
- Các nhóm ngành hóa chất và dầu khí là hai nhóm ngành giảm mạnh nhất do áp lực chốt lời tăng cao dù một số dự báo lợi nhuận các doanh nghiệp các ngành này có thể tăng mạnh trong Q1. Một số nhóm ngành đặc thù như bảo hiểm, viễn thông lại xanh nhẹ
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm cổ phiếu nhỏ như PGN, FID, NO1, TCO, PET. Một số cổ phiếu lớn tăng khá như GEE, REE, NVL, NLG.

Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



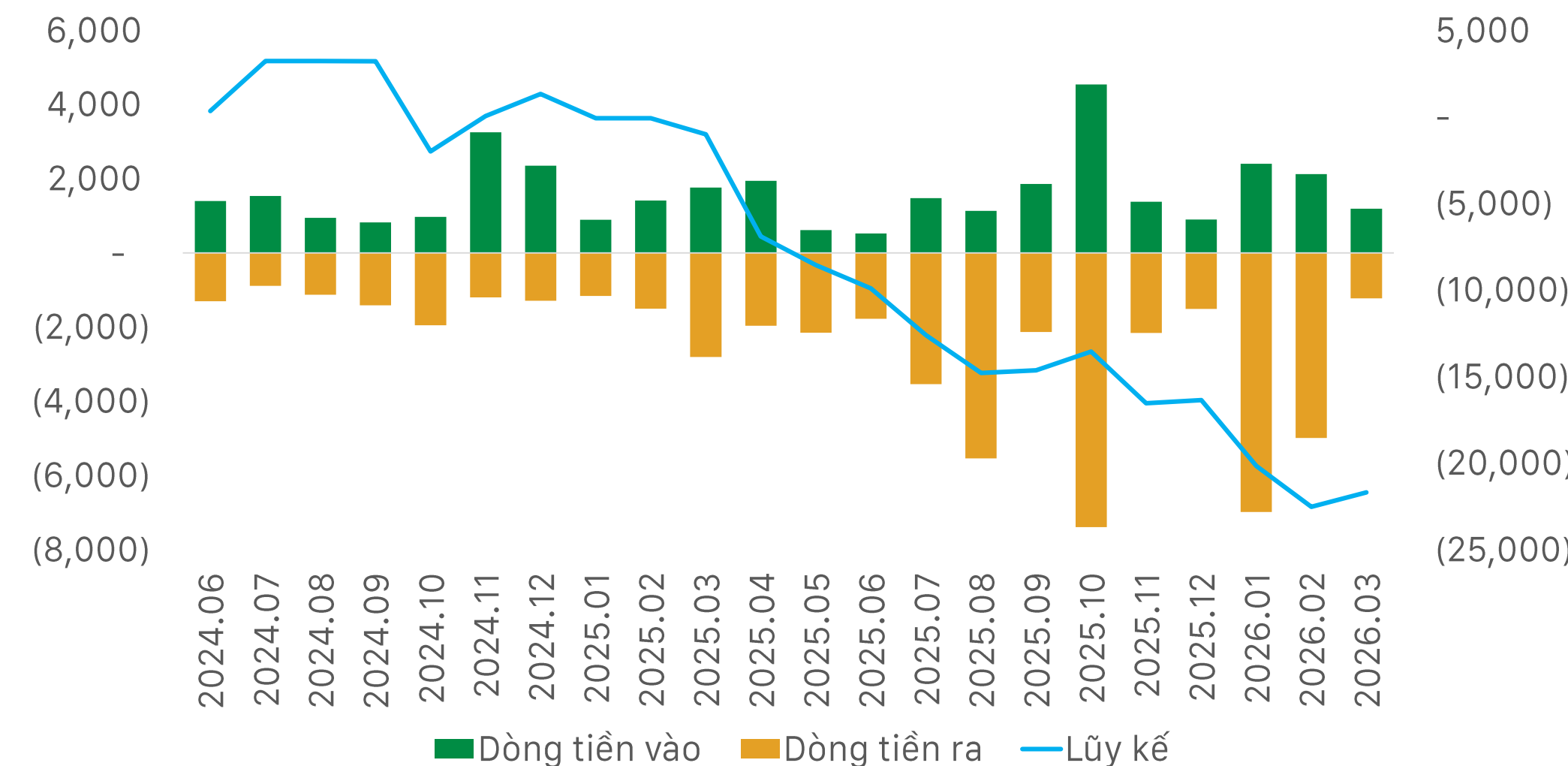
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng vốn toàn cầu bình tĩnh trước căng thẳng Mỹ – Iran

- Trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Iran leo thang và giá năng lượng tăng mạnh, dòng vốn toàn cầu có dấu hiệu thận trọng hơn. Nhà đầu tư đã bắt đầu tái cơ cấu danh mục nhằm đối phó với rủi ro lạm phát gia tăng. Dòng tiền vào các quỹ cổ phiếu vẫn duy trì tích cực (+13,5 tỷ USD), trong khi dòng vốn vào trái phiếu suy yếu rõ rệt, xuống mức thấp nhất kể từ quý II/2025.
- Các quỹ cổ phiếu Mỹ vẫn ghi nhận dòng vốn vào nhẹ, trong khi Nhật Bản và Thụy Sĩ nổi lên như các điểm trú ẩn an toàn. Tuy nhiên, xu hướng đa dạng hóa toàn cầu bị suy yếu khi các quỹ thị trường mới nổi (GEM) lần đầu bị rút vốn trở lại sau nhiều tháng. Quỹ trái phiếu toàn cầu cũng ghi nhận một trong số ít các tuần bị rút vốn trong 8 tháng gần đây.
- Ngoài yếu tố địa chính trị, tâm lý thị trường còn chịu ảnh hưởng bởi các lo ngại sẵn có như tác động của AI đến mô hình kinh doanh, sự phân hóa tăng trưởng tại Mỹ và rủi ro trong thị trường tín dụng tư nhân. Đáng chú ý, việc một số tổ chức tài chính lớn hạn chế rút vốn khỏi các quỹ tín dụng tư nhân đã khiến dòng vốn rút khỏi nhóm tài chính và private credit tăng mạnh kỷ lục.

Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Thị trường mới nổi

- Dòng vốn vào cổ phiếu thị trường mới nổi nhìn chung vẫn duy trì, nhưng có sự phân hóa mạnh. Các quỹ châu Á (ngoại trừ Nhật Bản) ghi nhận sự luân chuyển dòng tiền rõ nét. Hàn Quốc và Đài Loan thu hút mạnh dòng vốn nhờ hưởng lợi từ nhu cầu chip, bất chấp phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng.

Top CP các quỹ VN nắm giữ

CP	2026.02	Đầu năm	Tăng giảm	Giá trị (tỷ VND)
MWG	170,605,234	198,471,546	-14.0%	15,883
MBB	406,285,475	387,526,428	4.8%	11,579
VIC	59,263,636	93,120,380	-36.4%	10,193
HPG	325,429,612	439,037,677	-25.9%	9,372
STB	133,662,410	132,536,913	0.8%	8,755
VHM	78,549,070	105,575,334	-25.6%	8,483
FPT	87,781,702	138,865,511	-36.8%	8,155
CTG	187,335,768	249,015,752	-24.8%	7,166
TCB	183,373,891	204,450,958	-10.3%	6,647
VCB	94,175,697	76,231,397	23.5%	6,112
VPB	182,879,754	237,645,365	-23.0%	5,294
PNJ	40,762,351	35,406,534	15.1%	4,969
ACB	186,599,244	214,690,048	-13.1%	4,573
GMD	50,669,775	28,001,851	81.0%	4,277
KDH	127,872,140	194,643,253	-34.3%	3,485
MSN	39,595,815	62,127,034	-36.3%	3,128
SSI	87,503,246	98,954,645	-11.6%	2,835
VNM	38,367,596	37,523,298	2.3%	2,617
ACV	22,532,586	30,617,774	-26.4%	1,201
TPB	34,226,399	33,076,088	3.5%	630
DGC	8,037,187	8,648,213	-7.1%	593

Ngược lại, Trung Quốc và đặc biệt là Ấn Độ bị rút vốn đáng kể. Với Ấn Độ, áp lực đến từ rủi ro lạm phát khi quốc gia này phụ thuộc lớn vào nhập khẩu dầu. Khu vực EMEA cũng bị rút vốn, đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ. Tại Mỹ Latinh, Brazil tiếp tục là điểm sáng nhờ vị thế tương đối độc lập với OPEC và khoảng cách địa lý với các điểm nóng xung đột.

Thị trường phát triển

Các thị trường phát triển vẫn duy trì dòng vốn vào tuần thứ 7 liên tiếp, dẫn dắt bởi Nhật Bản và các quỹ toàn cầu. Mỹ, Canada và Australia cũng ghi nhận dòng tiền tích cực.

Châu Âu lại đối mặt áp lực lớn do phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng. Các quỹ cổ phiếu khu vực này quay đầu bị rút vốn. Nhiều quốc gia như Đức, Anh, Tây Ban Nha ghi nhận dòng tiền rút mạnh. Ngược lại, Thụy Sĩ tiếp tục thu hút dòng tiền nhờ vai trò "trú ẩn", trong khi Nhật Bản ghi nhận dòng vốn lớn nhờ chính sách ổn định và sức hấp dẫn dài hạn.

Tại Mỹ, dù vẫn có dòng vốn vào nhẹ, thị trường chịu nhiều áp lực như thị trường lao động suy yếu, chi phí sản xuất tăng và rủi ro hệ thống từ khu vực tài chính.

Theo ngành và tài sản

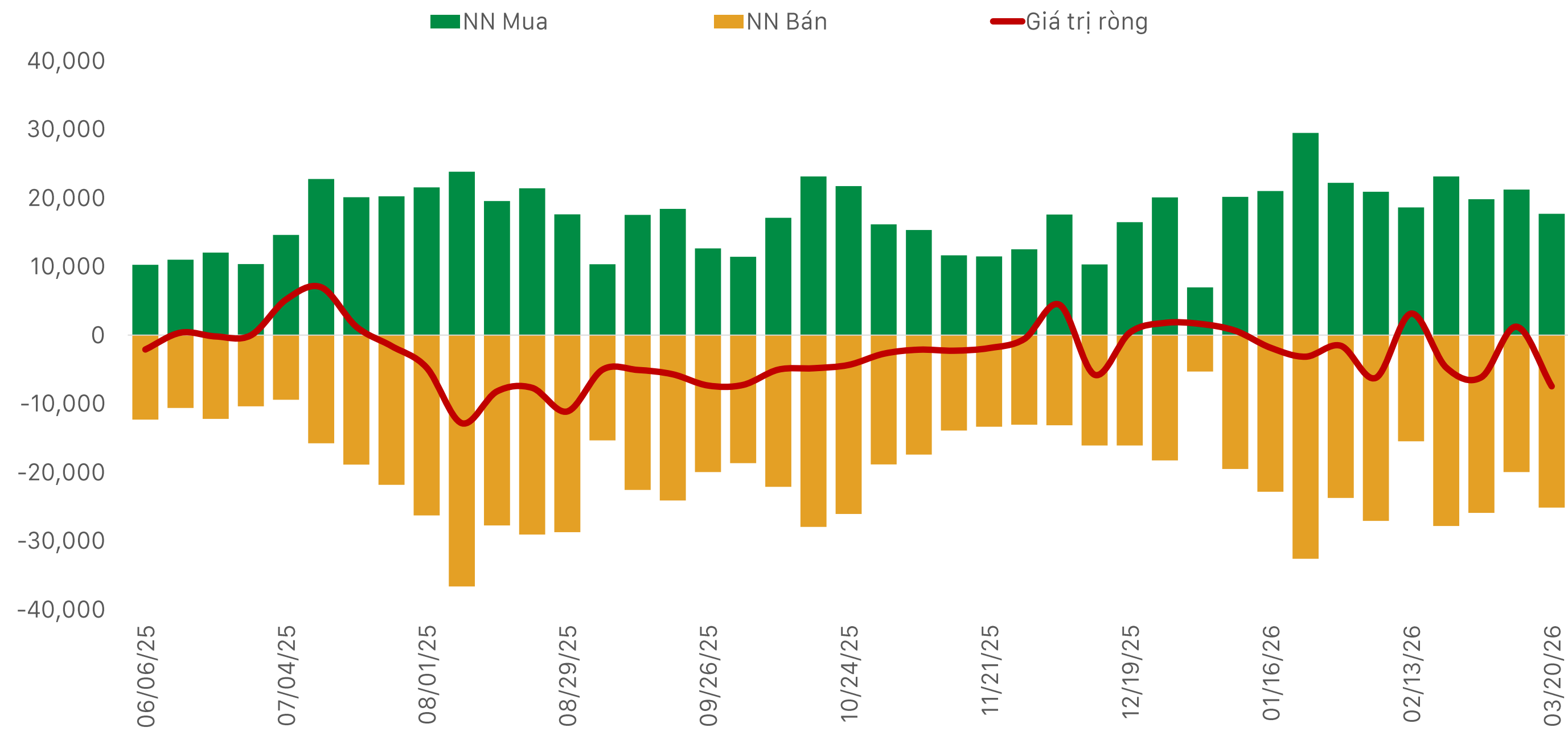
Dòng vốn theo ngành có sự đảo chiều khi giá dầu tăng cao. Nhóm công nghiệp và hàng hóa vẫn hút tiền, trong khi tài chính bị rút vốn mạnh sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Y tế cũng ghi nhận dòng vốn rút đáng kể dù nhu cầu nhân lực trong ngành này vẫn tăng.

Ngành năng lượng có biến động mạnh: ban đầu hút vốn nhưng cuối tuần lại bị rút mạnh, đặc biệt ở các quỹ dầu khí. Ngược lại, nhóm tiện ích tiếp tục thu hút dòng tiền nhờ tính phòng thủ.

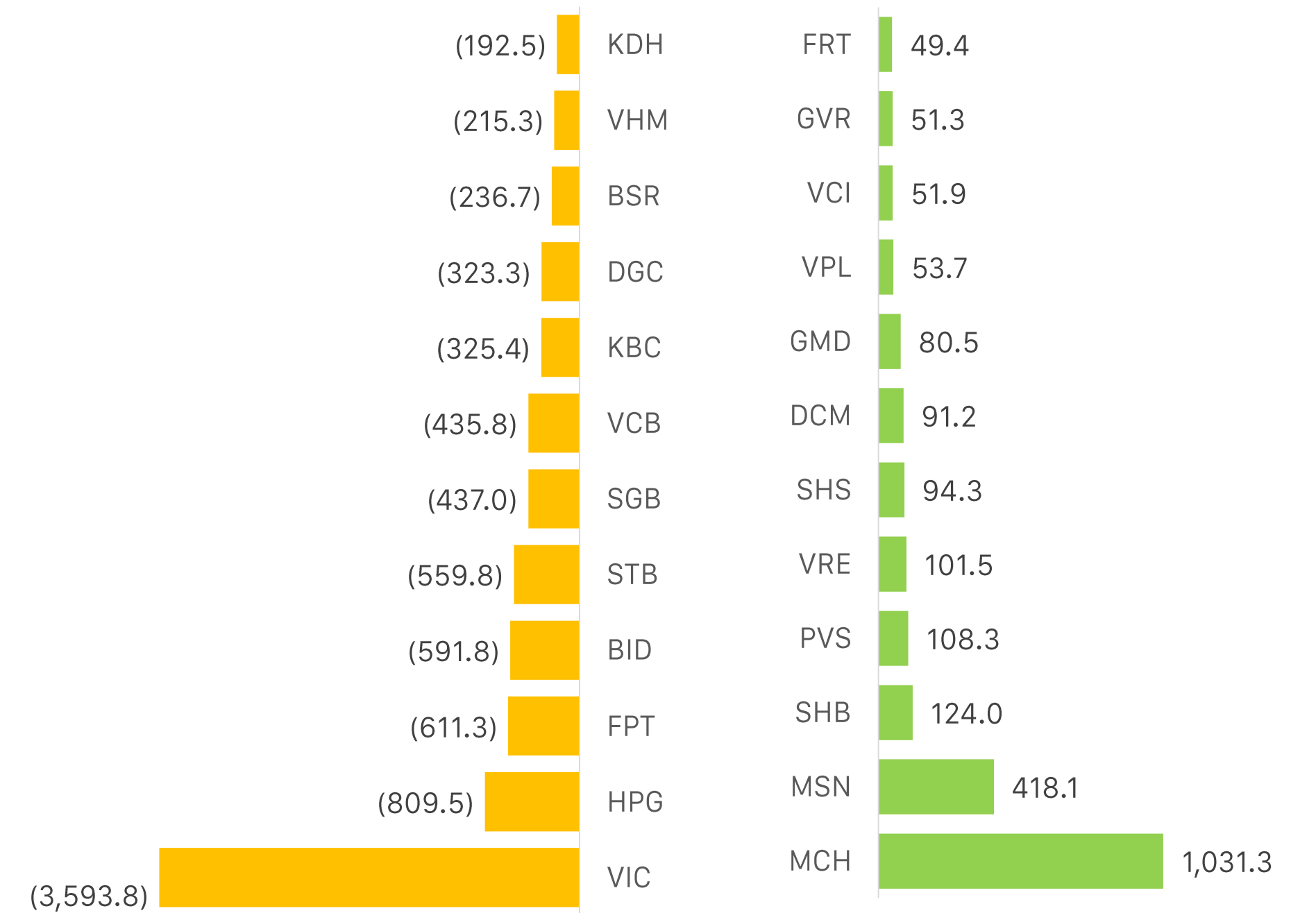
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

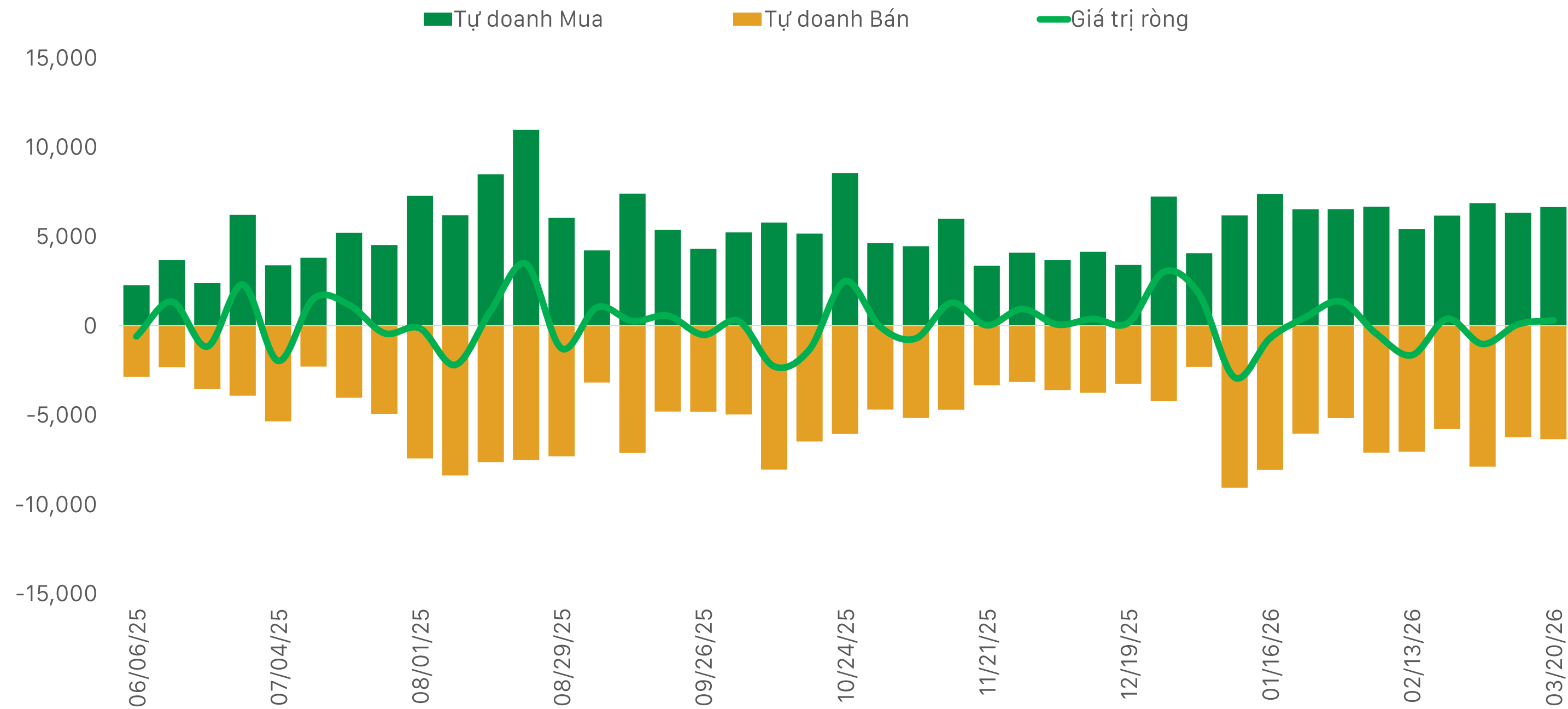


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào trên 17 ngàn tỷ đồng, giảm mạnh -17% so với tuần trước và bán ra 25 ngàn tỷ đồng, tăng đến 26%. Tính chung cả tuần khối ngoại bán ròng khoảng 7400 tỷ đồng. Đây là tuần bán ròng mạnh nhất kể từ đầu năm và lũy kế 3 tháng đã gần 1 tỷ USD.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là VIC với gần 3600 tỷ đồng. Một số blue chip cũng bán ròng với giá trị lớn như HPG (809 tỷ), FPT (611 tỷ). Một số ngân hàng bán ròng nhiều có BID, STB, SGB, VCB.
- Phía mua ròng nổi bật có MCH mua ròng hơn 1000 tỷ đồng, MSN đứng thứ hai với 418 tỷ. Các cổ phiếu còn lại trải đều ở các nhóm ngân hàng, bất động sản, hóa chất, vận tải biển như SHB, PVS, VRE, DCM, GMD, VCI, GVR

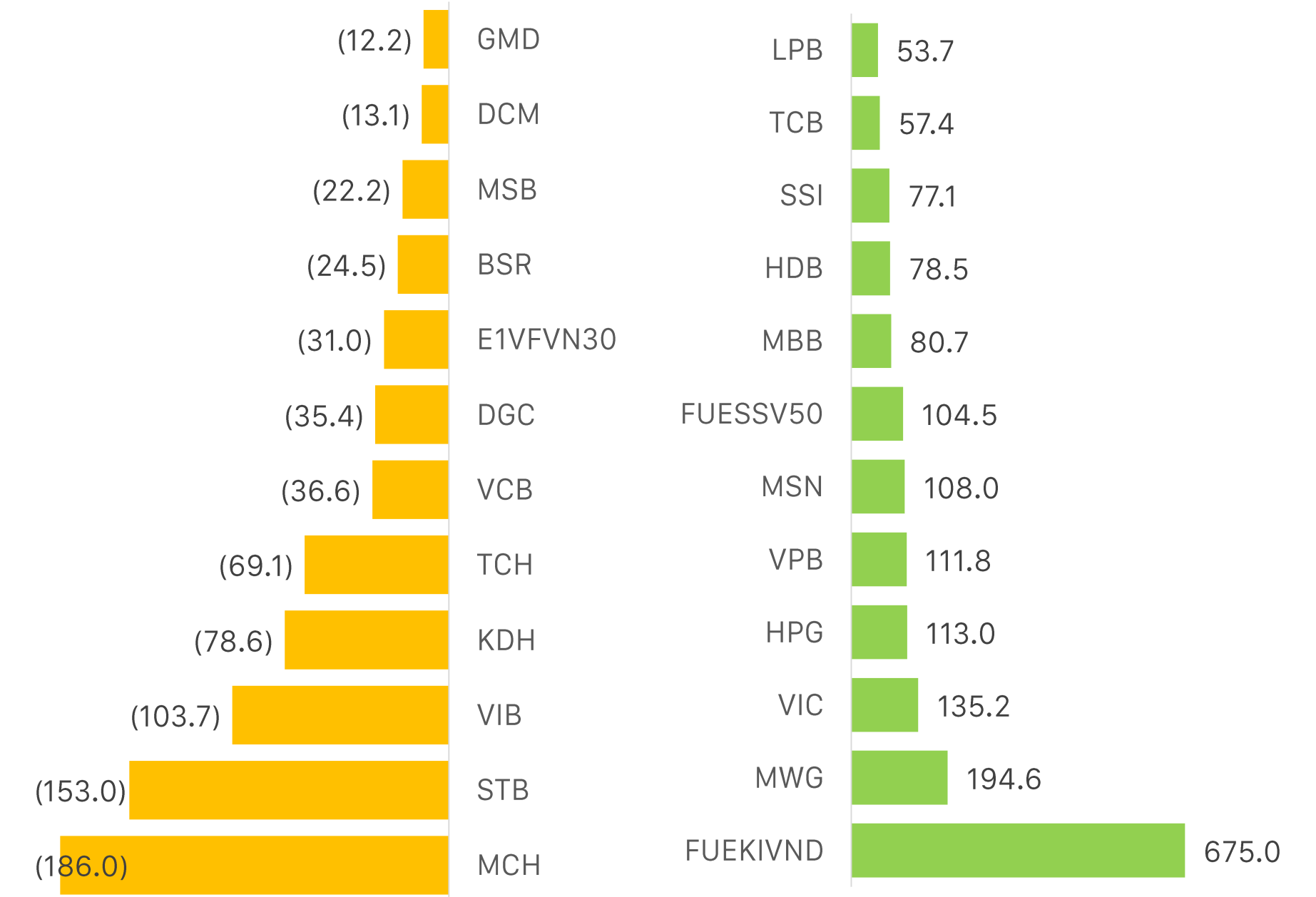
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



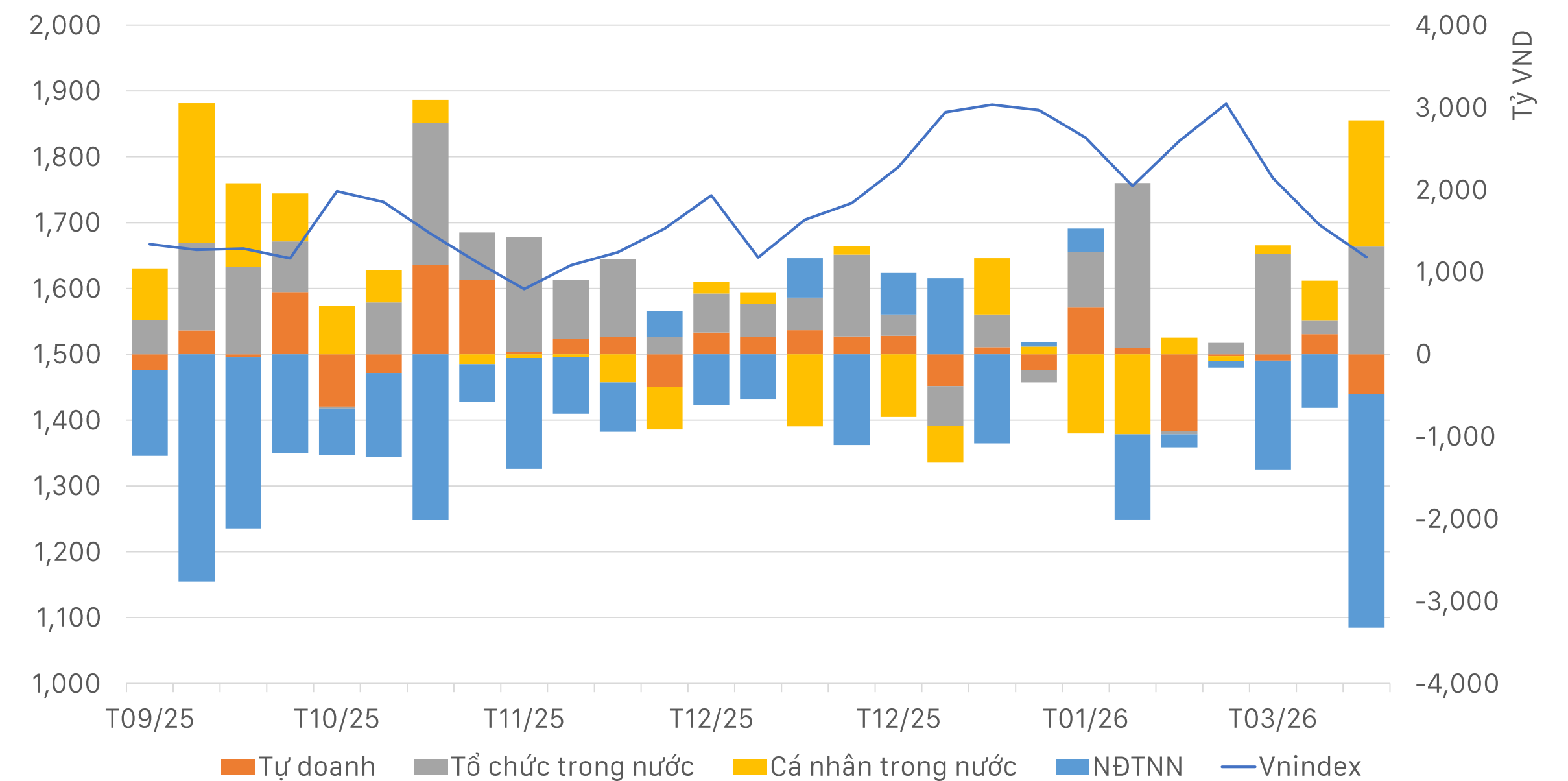
- Tự doanh mua vào khoảng 6645 tỷ đồng và bán ra 6354 tỷ đồng, tăng nhẹ so với giao dịch tuần trước đó. Hai chiều mua bán trong tuần gần như tương đương.
- FUEKIVND là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất với khoảng 675 tỷ đồng, MWG và VIC là hai cổ phiếu mua ròng nhiều tương ứng 194 và 135 tỷ đồng. Một số cổ phiếu cũng mua ròng nhẹ trong tuần có HPG, VPB, MSN, MBB, HDB.
- Nhóm tự doanh ngoài MWG và VIC tập trung mua nhiều hơn nhóm ngân hàng như MBB, TCB, HDB, VPB

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	16.9%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	13.9%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	14.3%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	5.2%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	5.3%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	9.6%	HHS, HUT	
Bán lẻ	4.2%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.0%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	8.5%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.3%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.9%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	6.4%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.6%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	1.1%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.3%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

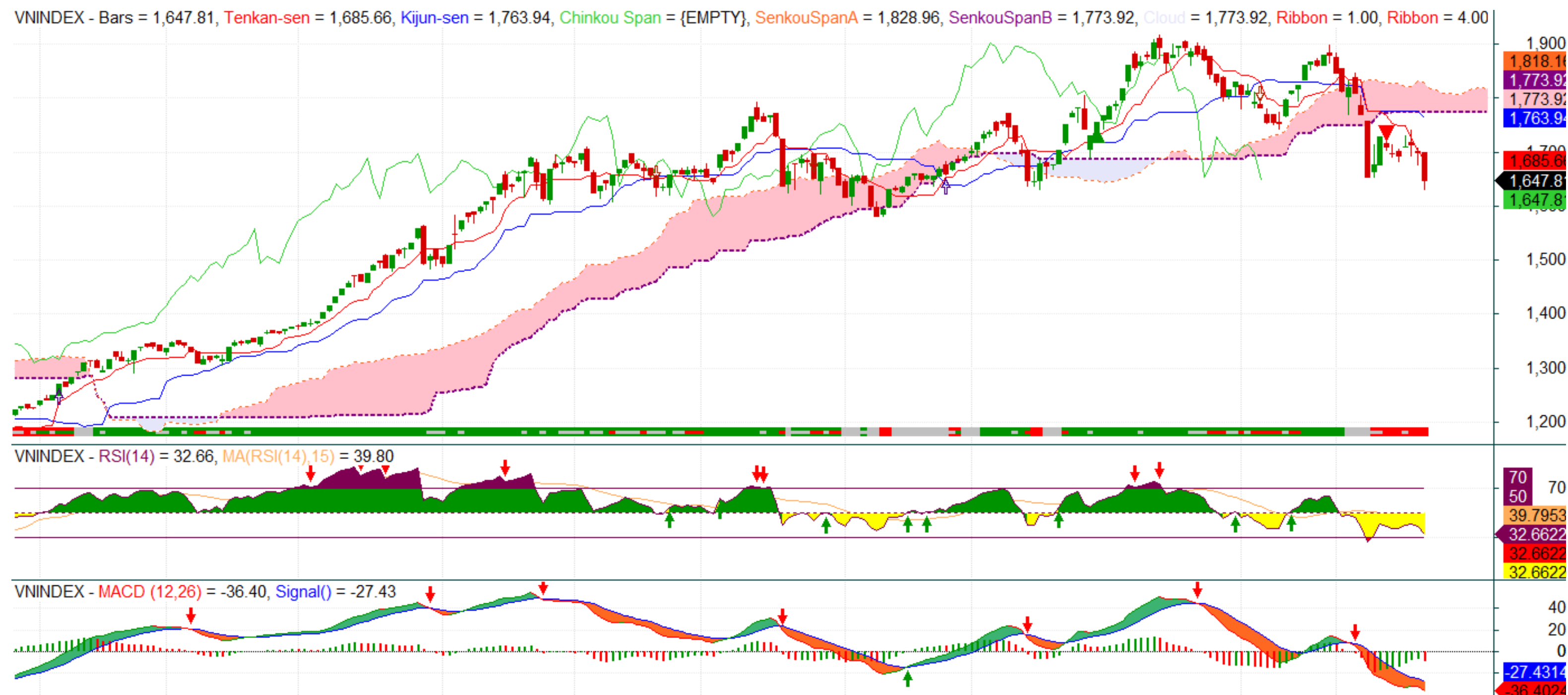
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và chứng khoán chiếm tỷ trọng khoảng 30% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm NVL, VIC, HPG, SSI.
- Thanh khoản chung thị trường có sự suy giảm với tuần trước do hoạt động thoái vốn mạnh mẽ khi thị trường sụt giảm. Ngoài ra dòng tiền chuyển dịch mạnh ra khỏi dầu khí, hóa chất và gia tăng ở nhóm viễn thông, thực phẩm.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

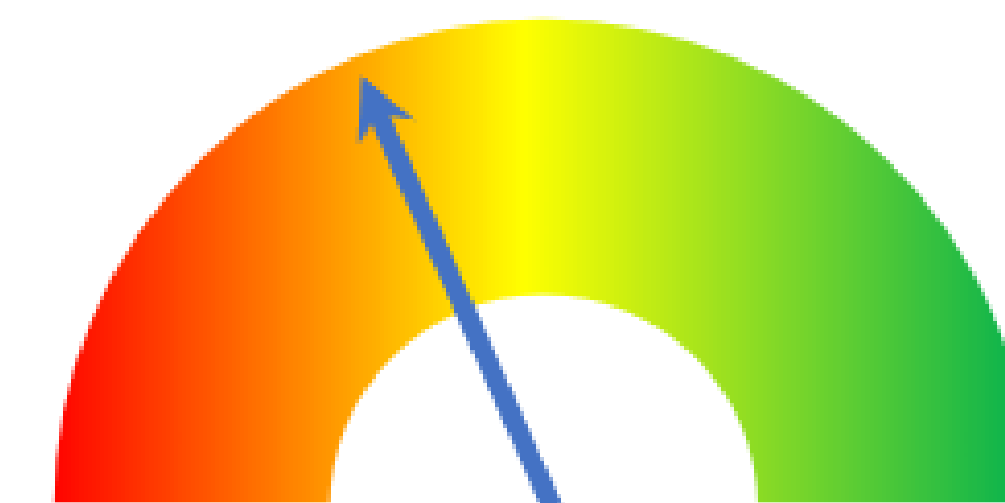


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



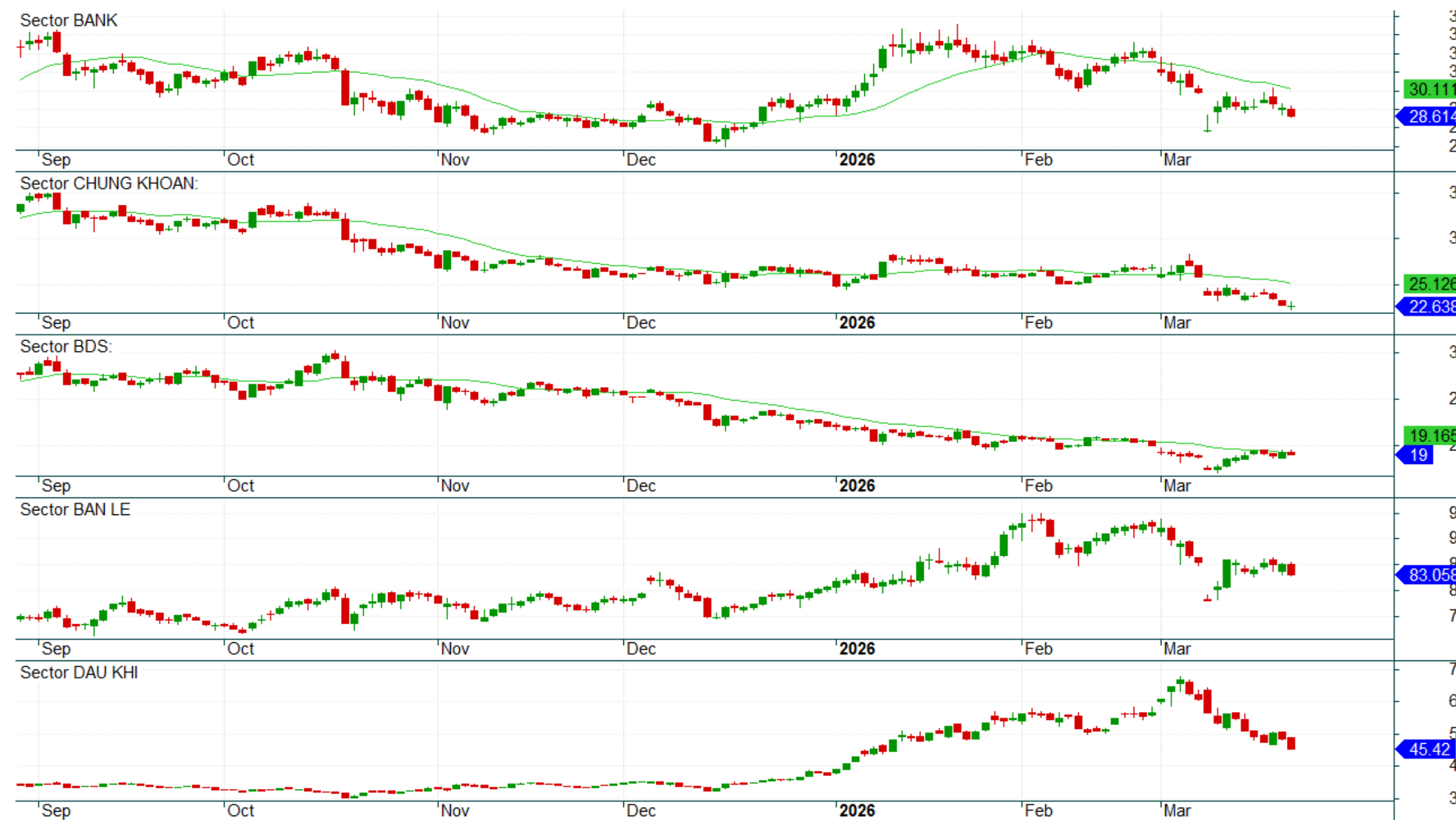
RSI	37.05
MACD	-30.20
MFI	44.13
MA20	1814
MA50	1816
MA200	1617

- Tính từ đầu tháng chỉ số Vnindex đã giảm khoảng hơn 12% và là mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2020. Việc VN-Index giảm mạnh thủng mốc 1.650 phản ánh áp lực bán lan rộng, đặc biệt ở nhóm vốn hóa lớn – vốn đóng vai trò dẫn dắt chỉ số. Bên cạnh đó, yếu tố thị trường quốc tế bất định và giá dầu tăng mạnh khiến lo ngại lạm phát quay trở lại đã kích hoạt tâm lý phòng thủ chung của nhà đầu tư.
- Theo thống kê thì thường chỉ số Index sẽ hồi phục dần sau khoảng từ 2-3 tuần với nền giá trung hạn nằm quanh 1600. Dấu ấn tâm lý nhà đầu tư trong tuần qua khá dao động mạnh khi có những phiên chỉ số rung lắc rất mạnh. Việc chỉ số giảm về sát vùng hỗ trợ mạnh mở ra khả năng xuất hiện các nhịp hồi kỹ thuật trong tuần tới. Trong ngắn hạn, trạng thái thanh khoản thấp có thể còn duy trì cho đến khi thị trường tìm được vùng cân bằng rõ ràng hơn. Khi VN-Index dần ổn định và xuất hiện tín hiệu hồi phục đủ tin cậy, dòng tiền sẽ có xu hướng quay trở lại, thường với độ trễ nhất định khoảng vài tuần.

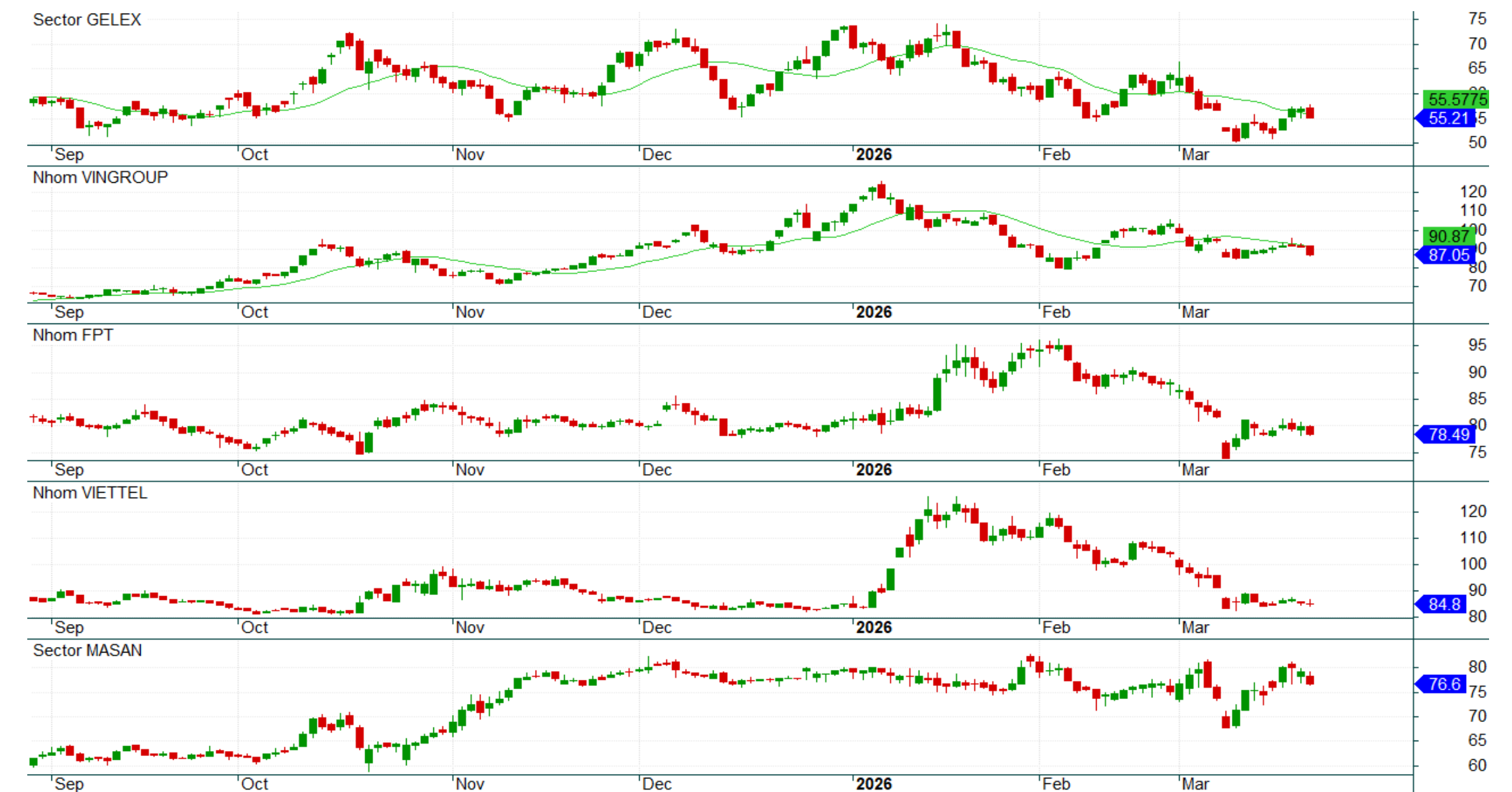
XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU



- **Nhóm ngân hàng** nhiều CP đang tích lũy nên giá sâu: Nhóm CP tốt ưu tiên MBB, TCB, ACB, CTG.
- **Nhóm chứng khoán** Nhiều CP đã chạm hỗ trợ mạnh. Nhóm ưu tiên: TCX, VIX, SSI, MBS.
- **Nhóm BĐS** là nhóm phục hồi tốt nhất trong tuần tuy nhiên xu hướng tăng có thể phân hóa. Nhóm ưu tiên: KDH, VIC, NLG, VHM, VPL
- **Nhóm bán lẻ** Chờ nền tích lũy sâu hơn MWG (70-75), DGW (38)
- **Nhóm dầu khí** đang trong giai đoạn giảm do chốt lời, chờ tín hiệu hồi phục. Ưu tiên nhóm CP BSR, PLX.



- **Nhóm Gelex** Nhóm đang hồi phục. GEE tăng tốt nhất. GEX hỗ trợ quanh 30, VIX – 15.5
- **Nhóm VINGROUP** Đã chậm đà giảm, đang tích lũy đi ngang. VIC hỗ trợ mạnh 120, VHM – 90. VRE - 24
- **Nhóm FPT** tiếp tục giảm sâu ở FPT, chờ tín hiệu hồi phục. FOX đang hồi.
- **Nhóm Viettel** tiếp tục trạng thái giảm ở VTP, CTR, VGI.
- **Nhóm MASAN** tăng trở lại đặc biệt ở MSR nhưng áp lực chốt lời cũng khá cao. MSN có hỗ trợ mạnh quanh 70



Thị trường vẫn trong trạng thái suy giảm vì vậy chiến lược ưu tiên chuyển sang trạng thái phòng thủ và chờ cơ hội. Một số cổ phiếu đã chạm vùng hỗ trợ mạnh có thể xem xét giải ngân dần.

Cổ phiếu quan tâm: SHB, EIB, GMD, VJC, MBB, CTG, ACB, HDG, HAG, MWG, VIC, CTD

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:





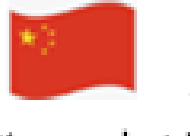




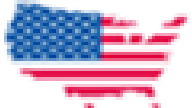
Ngân hàng: **MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	20,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2025, HAGL ghi nhận doanh thu 7.440 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.243 tỷ đồng – mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp hoạt động. Kết quả này cũng giúp công ty xóa lỗ lũy kế và đưa tổng tài sản vượt mốc 1 tỷ USD. Vừa qua Hoàng Anh Gia Lai đã tổ chức hội thảo với chủ đề “HAGL và chiến lược phát triển bền vững 20.000ha cà phê đến năm 2028”. Theo kế hoạch, doanh nghiệp đặt mục tiêu phát triển vùng trồng cà phê quy mô khoảng 20.000ha, từ đó xây dựng chuỗi giá trị khép kín bao gồm sản xuất nguyên liệu, chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm. Tổng doanh thu tiềm năng ước đạt khoảng 713 triệu USD mỗi năm, tương đương gần 18.600 tỷ đồng. Nếu triển khai toàn diện, HAGL có thể trở thành một trong những doanh nghiệp sở hữu vùng trồng cà phê trực tiếp lớn nhất thế giới.
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB) đạt lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Riêng quý IV, lợi nhuận tăng mạnh 37,5%, đạt 11.129 tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò trụ cột khi tăng 30,6%, đạt 14.555 tỷ đồng. Mảng dịch vụ cũng tăng trưởng ấn tượng, mang về 2.101 tỷ đồng lãi thuần, tăng 78% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, lãi thuần từ hoạt động khác tăng 31%, đạt 1.574 tỷ đồng, trong khi thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần ghi nhận mức tăng đột biến 502%, đóng góp 135 tỷ đồng.

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Nhật Bản công bố CPI YoY tháng 2 (dự báo 1,5%). Tác động: CPI cao hơn kỳ vọng củng cố JPY, đẩy USDJPY giảm, gây áp lực bán chứng khoán Nhật và châu Á.</p>	 <p>Eurozone/Germany: Flash PMI Composite & Services (S&P Global). Tác động: PMI >50 cải thiện triển vọng EU, đẩy EUR mạnh lên, lợi cho chứng khoán châu Âu.</p>	 <p>Anh: CPI YoY tháng 2 (dự báo ~2,7-3%). Tác động: Lạm phát cao giữ BoE thắt chặt lâu hơn, củng cố GBP nhưng rủi ro cho tăng trưởng.</p>	 <p>Mỹ: Initial Jobless Claims tuần. Tác động: Claims thấp chứng tỏ lao động mạnh, hỗ trợ USD và khiến Fed giữ lãi suất cao lâu hơn</p>	 <p>Trung Quốc: Current Account Q4. Tác động: Thặng dư lớn ổn định CNY, tích cực cho thị trường châu Á và hàng hóa.</p>
 <p>Mỹ: Chicago Fed National Activity Index tháng 2. Tác động: Chỉ số mạnh cho thấy kinh tế Mỹ vững, hỗ trợ USD và chứng khoán Mỹ tăng.</p>	 <p>Mỹ: Flash PMI Services/Composite (S&P Global). Tác động: Dữ liệu mạnh khẳng định tăng trưởng, hỗ trợ USD và Wall Street.</p>	 <p>Đức: Ifo Business Climate tháng 3. Tác động: Ifo cải thiện thúc đẩy EUR và chứng khoán Đức/Eurozone.</p>	 <p>Châu Âu: Quyết định lãi suất ECB + họp báo (14:15-14:45). Tác động: Giữ nguyên với hướng dẫn ổn định, hỗ trợ EUR nhưng tăng biến động nếu đề cập dầu mỏ.</p>	 <p>Mỹ: Michigan Consumer Sentiment cuối tháng 3. Tác động: Tâm lý cao thúc đẩy tiêu dùng Mỹ, lợi cho chứng khoán và USD.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VFG	HOSE	25/03/2026	26/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	HJS	HNX	24/03/2026	25/03/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VTC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PDN	HOSE	20/03/2026	23/03/2026	6/4/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ADC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	11/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CMF	UPCoM	19/03/2026	20/03/2026	11/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GEE	HOSE	19/03/2026	20/03/2026	8/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HGM	HNX	19/03/2026	20/03/2026	9/4/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 8,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PPP	HNX	19/03/2026	20/03/2026	22/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	STP	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SDC	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/04/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TLT	UPCoM	18/03/2026	19/03/2026		Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (mã chứng khoán TLT) thành cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (mã chứng khoán VIT)	Hoán đổi cổ phiếu
14	LAF	HOSE	18/03/2026	19/03/2026	17/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VNL	HOSE	18/03/2026	19/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIH	UPCoM	18/03/2026	19/03/2026		Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội (mã chứng khoán VIH) thành cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (mã chứng khoán VIT)	Hoán đổi cổ phiếu
17	ACE	UPCoM	17/03/2026	18/03/2026	29/05/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ABT	HOSE	17/03/2026	18/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	KHS	HNX	17/03/2026	18/03/2026	30/03/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	THG	HOSE	16/03/2026	17/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU